



Mục lục

SỰ KIỆN

3 PHÙNG HỮU PHÚ:

Tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh tiếp tục soi sáng công cuộc đổi mới, xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

18 LÊ TẤN DŨNG:

Nhận thức, thực tiễn và giải pháp về phúc lợi xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn mới

29 NGUYỄN VĂN GIANG:

Khái niệm hệ thống chính trị, mô hình tổ chức hệ thống chính trị; những yếu tố tác động và quy định mô hình tổ chức của hệ thống chính trị

38 NGUYỄN SĨ DŨNG:

Mô hình tổ chức bộ máy nhà nước: Hiện trạng và định hướng đổi mới

LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

49 NGUYỄN XUÂN KÝ:

Đổi mới và hoàn thiện mô hình tổ chức hệ thống chính trị ở Quảng Ninh theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII

61 LÊ ĐÌNH SƠN:

Thực tiễn đổi mới và hoàn thiện mô hình tổ chức hệ thống chính trị ở Hà Tĩnh theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII

THÔNG TIN - TƯ LIỆU

69 Tọa đàm "Nhận thức, thực tiễn và giải pháp về phúc lợi xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn mới"**70 Kỳ họp thứ 11 Hội đồng Lý luận Trung ương****71 Ký kết chương trình hợp tác giữa Hội đồng Lý luận Trung ương và Hội đồng Lý luận tỉnh Hà Giang**



TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC VÀ PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

TIẾP TỤC SOI SÁNG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG HIỆN NAY

● GS, TS PHÙNG HỮU PHÚ

Tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của sự kết hợp khoa học, nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính, truyền thống lịch sử, tinh hoa văn hóa của dân tộc, thực tiễn sinh động của cách mạng Việt Nam với tinh hoa văn hóa nhân loại, trí tuệ của thời đại, đặc biệt là chủ nghĩa Mác - Lênin. “Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam...”¹. Tư tưởng, đạo đức, phong cách và sự nghiệp vĩ đại của Người là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của dân tộc ta, đã, đang và sẽ mãi là ngọn cờ soi sáng con đường cách mạng Việt Nam,

trực tiếp hiện nay là sự nghiệp đổi mới và công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

I. HỒ CHÍ MINH - HIỆN THÂN CỦA ĐỔI MỚI; TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH CỦA NGƯỜI SOI SÁNG CON ĐƯỜNG ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG, CỦA NHÂN DÂN TA

1. Đổi mới, không ngừng đổi mới vì lợi ích của đất nước, dân tộc - sợi chỉ đỏ xuyên suốt cuộc đời hy sinh, phấn đấu vô cùng cao đẹp và sự nghiệp vĩ đại của Hồ Chí Minh

Cuộc đời của Hồ Chí Minh là cuộc đời một con người trọn đời vì dân, vì nước. Người chỉ có một ham muốn tốt bậc “là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được

hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”².

Chính lòng yêu nước nồng nàn, ý thức trách nhiệm trước vận mệnh đất nước, dân tộc là động lực thôi thúc Người nung nấu tinh thần đổi mới từ rất sớm, đổi mới không ngừng.

Quyết định đi tìm chân lý cứu nước với một hướng đi mới, một phương pháp tiếp cận mới, phương thức hành động mới: đi về phương Tây, tiếp thu những trào lưu tư tưởng mới, khảo nghiệm những cuộc cách mạng điển hình trên thế giới, tầm mình trong phong trào cách mạng của giai cấp vô sản và cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức, bóc lột để tìm kiếm con đường giải phóng cho dân tộc - đó là cuộc đổi mới vĩ đại đầu tiên của Hồ Chí Minh, cuộc đổi mới mang ý nghĩa quyết định vận mệnh của đất nước, dân tộc.

Trở về nước, Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và kinh nghiệm của phong trào cách mạng thế giới, đặc biệt là Cách mạng tháng Mười Nga; đổi mới tư duy trong xây dựng, không ngừng hoàn

thiện đường lối chiến lược, sách lược cách mạng; đổi mới phương thức lãnh đạo, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, dẫn dắt toàn Đảng, toàn dân giành độc lập tự do, xây dựng Nhà nước cách mạng, tiến hành sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, đánh bại các cuộc chiến tranh xâm lược, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất đất nước, từng bước đưa miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội, khắc phục đói nghèo, lạc hậu... Thực tiễn cách mạng Việt Nam từ 1941 khi Hồ Chí Minh về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng đến 1969 khi Người từ trần là một công cuộc đổi mới liên tục của Đảng, nhân dân ta theo ngọn cờ và sự dẫn dắt của Tổng công trình sư đổi mới Hồ Chí Minh.

Trước khi về với thế giới người hiền, Hồ Chí Minh dự báo, tiên liệu bối cảnh thế giới, tình hình đất nước, phác thảo những đường nét cơ bản của công cuộc kiến thiết toàn diện đất nước sau chiến tranh theo tinh thần đổi mới thể hiện trong bản *Di chúc* bất hủ. Đó là sự đúc kết kinh nghiệm, bài học lịch sử và định hướng tiếp tục đổi mới, tạo nền tảng

trực tiếp của sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng, lãnh đạo từ Đại hội lần thứ VI của Đảng đến nay.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam mấy chục năm qua khẳng định, Hồ Chí Minh là hiện thân của đổi mới, là nhà thiết kế, thi công vĩ đại sự nghiệp cách mạng Việt Nam theo tinh thần và quyết tâm đổi mới.

2. Tư tưởng, đạo đức, phong cách đổi mới Hồ Chí Minh

Thuật ngữ và tư tưởng “đổi mới” được Hồ Chí Minh đề cập từ sớm trong tác phẩm “Đường cách mệnh” (1927), sau đó được Người nhắc lại, làm rõ thêm trong nhiều bài viết, bài nói, nổi bật là: “Sửa đổi lối làm việc” (1947), “Đời sống mới” (1947), “Dân vận” (1949), đặc biệt trong bản *Di chúc* thiêng liêng (1965 - 1969) để lại cho toàn Đảng, toàn dân trước lúc Người đi xa. Từ các bài viết, bài nói của Hồ Chí Minh toát lên một hệ thống luận điểm có giá trị nền tảng và định hướng về đổi mới.

Trước hết, theo Hồ Chí Minh, đổi mới là bản chất của cách mạng, của phát triển. Trong “Đường cách mệnh”, Người chỉ rõ: “Cách mệnh là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu

đổi ra cái tốt”³. Nói về công cuộc kiến thiết đất nước sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thắng lợi, Người nhấn mạnh đó “là cuộc chiến đấu chống lại những cái gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi”⁴.

Thứ hai, triết lý đổi mới, chân lý đổi mới trong tư tưởng Hồ Chí Minh là ích nước, lợi dân. “Chân lý là cái gì có lợi cho Tổ quốc, cho nhân dân. Cái gì trái với lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân tức là không phải chân lý”⁵; “Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh”⁶.

Thứ ba, đổi mới là sự nghiệp lâu dài, phức tạp, gian khổ, phải kiên định, kiên quyết, kiên trì, lựa chọn những bước đi thích hợp. Hồ Chí Minh luôn căn dặn: thắng để quốc, phong kiến là tương đối dễ, thắng bản cùng, lạc hậu còn khó hơn nhiều; đấu tranh xóa bỏ cái cũ, xây dựng cái mới là công việc cực kỳ to lớn, nặng nề, phức tạp và khó khăn, do vậy phải có kế hoạch tỉ mỉ, chuẩn bị chu đáo, thực hiện chắc chắn.

Thứ tư, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đổi mới không phải là phủ

định sạch trơn, mà là sự kế thừa và phát triển; cái gì cũ mà xấu thì phải bỏ, cái gì cũ mà không xấu nhưng phiền phức thì phải sửa đổi cho hợp lý, cái gì cũ mà tốt thì phát triển thêm, cái gì mới mà hay thì phải làm.

Thứ năm, sức mạnh của đổi mới là nhân dân. Hồ Chí Minh luôn căn dặn: “Công cuộc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân”⁷; để giành thắng lợi “cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục nhân dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của nhân dân”⁸; phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại theo tinh thần: cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, Việt Nam sẵn sàng là bạn của các nước dân chủ.

Thứ sáu, Đảng là linh hồn của đổi mới. Đảng phải vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, căn cứ vào thực tiễn của Việt Nam và thế giới, bổ sung những tư liệu, vấn đề mà các nhà kinh điển ở thời mình không thể có được⁹ để đề ra và thực hiện đường lối, chủ trương đúng đắn. Hồ Chí Minh chỉ dạy: Thế giới ngày ngày đổi mới, xã hội ngày một phát triển, nhân dân ngày càng tiến bộ, do vậy,

cán bộ, đảng viên không thể “giữ cái kẹp giấy cũ không thay đổi”, “tư tưởng, hành động cũng phải phát triển”, “phải tiếp tục học và hành để tiến bộ kịp nhân dân”.

Hệ thống luận điểm về đổi mới của Hồ Chí Minh được diễn đạt giản dị, dễ hiểu nhưng hàm chứa chiều sâu, tầm cao về tư tưởng và đúc kết tinh túy đạo đức đổi mới, phong cách đổi mới của Người¹⁰.

Với Hồ Chí Minh, *tư tưởng đổi mới là tư tưởng cách mạng, khoa học* trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, kết hợp với tinh hoa văn hóa dân tộc, nhân loại, phản ánh và giải quyết những nhu cầu khách quan của thực tiễn đất nước; *đạo đức đổi mới là phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân*, đặt lợi ích của dân tộc, Tổ quốc lên trên hết, trước hết, đổi mới vì một nước Việt Nam độc lập, hòa bình, thống nhất, dân chủ, giàu mạnh; *phong cách đổi mới là kiên định, sáng tạo, dân chủ, thực tiễn, hiệu quả*, nói đi đôi với làm, làm thiết thực, mang lại kết quả thực tế cho dân, cho nước. Đó chính là những giá trị bền vững của tư tưởng, đạo đức, phong cách đổi mới Hồ Chí Minh.

3. Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh soi sáng con đường đổi mới của Đảng, của nhân dân ta.

Vào giữa thập niên 80 của thế kỷ XX, do nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan, đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội sâu sắc, đời sống nhân dân vô cùng khó khăn. Đảng quyết tâm phát động, lãnh đạo công cuộc đổi mới. Trong quá trình trăm trở, tìm tòi con đường đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy phát triển đất nước, Đảng ta nhận thức sâu sắc: Muốn đổi mới tư duy, Đảng phải nắm vững bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, kế thừa di sản quý báu về tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đúc kết những bài học từ thực tiễn cách mạng nước ta, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, năm 1986 - Đại hội khai phóng con đường đổi mới, trên cơ sở quán triệt những luận điểm cốt lõi của Hồ Chí Minh, đã nhấn mạnh các bài học: “lấy dân làm gốc”; xuất phát từ thực tiễn, tôn trọng quy luật khách quan; kết hợp sức mạnh dân tộc và thời đại; xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ¹¹.

Trải qua hơn 30 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới, đồng thời với việc kiên định, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng ta đặc biệt chú trọng kế thừa, cụ thể hóa tư tưởng, đạo đức, phong cách đổi mới Hồ Chí Minh, đề ra Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, năm 1991, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) và văn kiện các đại hội Đảng, các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương các nhiệm kỳ từ năm 1986 đến nay. Đường lối đổi mới của Đảng thấm nhuần sâu sắc tư tưởng, đạo đức, phong cách đổi mới Hồ Chí Minh đã làm sáng tỏ những nhận thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, trở thành ngọn cờ dẫn dắt toàn Đảng, toàn dân ta vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, mở rộng hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, tạo nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Thực tiễn hơn 30 năm đổi mới đã minh chứng hùng hồn, nếu muốn thích ứng và đối phó mạnh

mẽ với những vấn đề mà chủ nghĩa xã hội đang gặp phải, chúng ta phải học ở Hồ Chí Minh bằng cách phát triển những phẩm chất đã thể hiện trong suốt cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài của Người¹².

Hiện nay, đất nước ta chuẩn bị bước vào thập niên thứ ba của thế kỷ XXI với thời cơ, vận hội lớn đan xen với không ít khó khăn, thách thức. Để thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển đất nước nhanh, bền vững, giữ vững hòa bình, ổn định, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, toàn Đảng, toàn dân ta phải tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới. Với giá trị bền vững và sức sống mãnh liệt, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh tiếp tục soi đường, chỉ lối cho Đảng và dân tộc ta trên con đường đổi mới. Chúng ta cần quán triệt sâu sắc, vận dụng sáng tạo và phát huy những giá trị to lớn trong tư tưởng, đạo đức, phong cách đổi mới của Người.

Thứ nhất, kiên định, vững vàng và không ngừng sáng tạo xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn

minh. Muốn đổi mới thắng lợi, phải kiên định lý tưởng độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội; kiên định nền tảng tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và vai trò lãnh đạo của Đảng; kiên định đường lối đổi mới. Kiên định, vững vàng, không dao động, đổi mới không đổi mầu, nhưng không giáo điều, bảo thủ, phải không ngừng sáng tạo. Kết hợp tổng kết sâu sắc, toàn diện thực tiễn đổi mới của đất nước với nắm bắt, dự báo chính xác những chuyển biến mau lẹ của thời cuộc, những xu hướng phát triển mới của thế giới, cập nhật những tri thức mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, nhất là những bài học thành công của các nước phù hợp với điều kiện nước ta, không ngừng hoàn thiện đường lối đổi mới, làm cho đường lối đổi mới phản ánh, giải quyết đúng những đòi hỏi khách quan của thực tiễn đất nước, đồng thời phù hợp với xu thế thời đại. Đổi mới không ngừng, đổi mới sáng tạo, đổi mới vững chắc - đó chính là kế thừa, phát triển tư tưởng đổi mới, biện chứng đổi mới Hồ Chí Minh trong bối cảnh lịch sử mới.

Thứ hai, nền tảng đạo đức của đổi mới là lợi ích tối cao của dân tộc, của nhân dân, hạnh phúc của con người. Lấy độc lập dân tộc, chủ quyền, thống nhất và sự giàu mạnh của quốc gia làm mục đích trên hết, trước hết; lấy quyền làm chủ và lợi ích của nhân dân, sự phát triển toàn diện và hạnh phúc của con người Việt Nam làm đạo lý đổi mới. Nhân dân là chủ thể của đổi mới và là người thụ hưởng thành quả của đổi mới; con người là mục tiêu và động lực của đổi mới. Đó chính là bản chất nhân đạo, nhân văn của đổi mới theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đó cũng là giá trị bền vững và sức sống mãnh liệt của đổi mới. Thoát ly nền tảng đạo đức thì đổi mới không còn ý nghĩa gì.

Thứ ba, đổi mới, phát triển là một quy luật vận động khách quan của lịch sử, là nhu cầu, khát vọng của nhân loại. Toàn cầu hóa và sự phát triển bùng nổ công nghệ thông tin cùng hệ thống kết cấu hạ tầng toàn cầu làm cho các quốc gia ngày càng xích lại gần nhau, tùy thuộc lẫn nhau; hợp tác và hội nhập quốc tế trở thành một xu thế lớn không thể đảo ngược. Tư tưởng và sự chỉ dẫn của

Hồ Chí Minh về sự gắn bó chặt chẽ cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, về việc tăng cường hợp tác quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trên cơ sở hòa bình, hữu nghị, bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, cùng có lợi... còn nguyên vẹn giá trị định hướng con đường đổi mới. Tranh thủ nguồn lực bên ngoài là rất quan trọng, song Hồ Chí Minh luôn cảnh dạn, nguồn lực nội sinh là quyết định, ngoại lực phải kết hợp với nội lực để nhân lên sức mạnh tổng hợp quốc gia; hợp tác, hội nhập nhưng phải giữ vững độc lập, tự chủ, phát huy tinh thần tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính.

Thứ tư, đổi mới là một quá trình cách mạng lâu dài, gian khổ, muốn giành thắng lợi, Đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng với tư cách là lực lượng lãnh đạo phải tự đổi mới, nêu gương đổi mới, trước hết là đổi mới phong cách tư duy, phong cách lãnh đạo để phát huy đến mức cao nhất sức mạnh của toàn Đảng, toàn dân. Hồ Chí Minh là tấm gương lớn, truyền lại bài học lớn về phong cách đổi mới: nhạy bén nắm bắt diễn biến lịch sử, chủ động tranh thủ thời cơ,

giữ vững nguyên tắc và mạnh dạn sáng tạo, kịp thời đổi mới, gắn liền lý luận với thực tiễn¹³.

Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thống nhất với nhau, kết tinh thành lý luận - thực hành đổi mới. “Cống hiến lý luận của Hồ Chí Minh vừa có tính thời sự thiết thực, đáp ứng nhu cầu đương thời của cách mạng, vừa có giá trị lâu dài, là những gợi ý quan trọng và nguồn cảm hứng cho các thế hệ cách mạng về sau. Hiểu được và vận dụng một cách sáng tạo hệ thống luận điểm lý luận của Hồ Chí Minh có khả năng thích hợp với những diễn biến mới hiện nay của lịch sử, sống và phát huy tác dụng lâu dài trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới”¹⁴.

II. HỒ CHÍ MINH SÁNG LẬP, RÈN LUYỆN ĐẢNG TA; TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH CỦA NGƯỜI DẪN DẮT CÔNG CUỘC XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG

1. Hồ Chí Minh xây nền, đắp móng lý luận xây dựng, chỉnh đốn Đảng

Điều Hồ Chí Minh quan tâm nhất trong suốt cuộc đời phấn đấu, hy sinh vì nước, vì dân là phải xây dựng cho

được một bộ tham mưu cách mạng đủ phẩm chất, năng lực lãnh đạo dân tộc tiến hành cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng, bảo vệ chế độ xã hội mới thật sự vì nhân dân, vì con người. Nghiên cứu sâu sắc lý luận mác-xít về xây dựng chính đảng vô sản kiểu mới; tổng kết nghiêm ngặt kinh nghiệm hoạt động, thành công và không thành công của các đảng cộng sản, công nhân quốc tế; phân tích hoàn cảnh, điều kiện, đặc điểm lịch sử và yêu cầu khách quan của cách mạng nước ta, Hồ Chí Minh đã dày công chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và luôn chăm lo xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Người đã để lại cho Đảng ta di sản tư tưởng và kinh nghiệm hoạt động thực tiễn vô giá, đặt nền tảng cho lý luận về đảng cách mạng, đảng cầm quyền, về xây dựng, chỉnh đốn đảng với hệ thống luận điểm khoa học đầy tính sáng tạo¹⁵, nổi bật là:

Thứ nhất, Hồ Chí Minh khẳng định từ sớm và nhất quán quan điểm: Đảng Cộng sản là nhân tố quyết định hàng đầu đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi.

Trong tác phẩm *Đường cách mệnh* (năm 1927), trả lời câu hỏi “Cách mệnh trước hết phải có cái gì?”, Người nhấn mạnh: “trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”¹⁶. Trong *Di chúc*, nhìn lại thành quả cách mạng sau gần 40 năm Đảng lãnh đạo, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”¹⁷.

Thứ hai, Hồ Chí Minh chỉ rõ, quy luật hình thành và bản chất giai cấp, cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhận thức sâu sắc tính chất, đặc điểm của xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin về chính đảng vô sản kiểu mới ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, khái quát thành quy luật:

chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước dẫn tới việc thành lập Đảng Cộng sản; và vì, lợi ích của giai cấp công nhân với lợi ích của nhân dân lao động, lợi ích của dân tộc là thống nhất cho nên Đảng là Đảng của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động cũng tức là *Đảng của dân tộc Việt Nam*¹⁸. Đây là cống hiến lý luận đặc sắc của Hồ Chí Minh định hướng cho toàn bộ sự nghiệp đấu tranh cách mạng và công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, mà hạt nhân quan trọng nhất chính là tư tưởng Đảng phải luôn luôn gắn bó mật thiết với nhân dân, là đội tiên phong, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của toàn dân tộc. Vai trò, vị trí, sức mạnh của Đảng bắt nguồn từ nền tảng này.

Thứ ba, Hồ Chí Minh xác định những nhân tố tạo nên năng lực, sức mạnh lãnh đạo của Đảng. Theo Người, Đảng muốn vững thì phải có lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin - “chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất”, “làm cốt”, làm nền tảng tư tưởng, “trong đảng ai cũng phải hiểu,

phải làm theo chủ nghĩa ấy¹⁹. Đảng phải được xây dựng và hoạt động theo những nguyên tắc Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, nổi bật là các nguyên tắc: tập trung dân chủ; tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; tự phê bình và phê bình; kỷ luật nghiêm minh và tự giác; đoàn kết, thống nhất. Theo Hồ Chí Minh, chính nền tảng tư tưởng khoa học, cách mạng và những nguyên tắc tổ chức, lãnh đạo, sinh hoạt, phát triển rất chặt chẽ, nghiêm minh hợp thành ưu thế chính trị vượt trội, sức mạnh to lớn của Đảng Cộng sản mà không đảng phái chính trị nào có thể so sánh được, giúp Đảng Cộng sản có thể hoàn thành sứ mệnh trọng đại trước giai cấp, dân tộc.

Thứ tư, Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân. Đảng vừa là người lãnh đạo vừa là đầy tớ thật trung thành của nhân dân; lấy phục vụ nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân làm tôn chỉ; dựa vào dân để xây dựng Đảng. Theo Hồ Chí Minh, tư tưởng của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân phải được “quán triệt trong toàn bộ sự nghiệp xây dựng cấu trúc

thượng tầng của chế độ và thể chế của nhà nước ta”²⁰. Người luôn căn dặn: “trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”²¹; “giữ chặt mối liên hệ với dân chúng và luôn luôn lắng tai nghe ý kiến của dân chúng, đó là nền tảng lực lượng của Đảng và nhờ đó mà Đảng thắng lợi”; “Chính phủ và Đảng chỉ mưu giải phóng cho nhân dân, vì thế, bất kỳ việc gì cũng vì lợi ích của nhân dân mà làm và chịu trách nhiệm trước nhân dân”; “Sự lãnh đạo trong mọi công tác thiết thực của Đảng, ắt phải từ trong quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng”²². Người nhấn mạnh, trong toàn bộ quá trình công tác tổ chức, cán bộ trước hết phải dựa vào dân, phải từ phong trào cách mạng của quần chúng mà phát hiện, tuyển chọn cán bộ; đưa cán bộ thâm nhập vào hoạt động thực tiễn của quần chúng, thông qua sự giúp đỡ, kiểm soát của nhân dân để đào tạo, rèn luyện cán bộ, giúp cán bộ gột rửa, khắc phục các tật bệnh của chủ nghĩa cá nhân, vươn tới nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm theo quan điểm và lập trường cách mạng²³.

Thứ năm, Hồ Chí Minh yêu cầu Đảng phải thường xuyên chăm lo xây dựng và chỉnh đốn. Người chỉ rõ, Đảng không phải từ trên trời rơi xuống, Đảng ra đời và trưởng thành trong lòng xã hội, do vậy cũng bị lây nhiễm các tật bệnh có trong xã hội. Để xứng đáng là một Đảng cách mạng chân chính, xứng đáng với niềm tin yêu của nhân dân, Đảng phải thường xuyên chăm lo xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhất là ở những thời điểm cách mạng gặp khó khăn, thử thách hoặc chuyển sang thời kỳ, giai đoạn mới. Xây dựng, chỉnh đốn là nhằm làm cho Đảng luôn trong sạch, vững mạnh, làm cho đội ngũ cán bộ, đảng viên thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện, không ngừng nâng cao phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ cách mạng. Xây dựng và chỉnh đốn Đảng có quan hệ mật thiết với nhau, trong đó xây dựng Đảng toàn diện, làm cho Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức, thật sự “là đạo đức, là văn minh”, tiêu biểu cho trí tuệ, danh dự, lương tâm của dân tộc, thời đại là nhiệm vụ cơ bản, có ý nghĩa quyết định; chỉnh

đốn Đảng nhằm hạn chế, ngăn chặn, đẩy lùi những tật bệnh, tệ nạn trong Đảng do thoái hóa, biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhất là trong điều kiện Đảng cầm quyền, là nhiệm vụ thường xuyên quan trọng. Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh căn dặn: “Việc cần làm trước tiên là chỉnh đốn lại Đảng, làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ Đảng giao phó cho mình, toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân”²⁴.

2. Hồ Chí Minh tấm gương sáng ngời về đạo đức, phong cách của Người Cộng sản vĩ đại

Đồng thời với việc xây dựng nền tảng lý luận xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Hồ Chí Minh bằng cả cuộc đời hoạt động không mệt mỏi của mình đã nêu tấm gương lớn về đạo đức, phong cách của Người Cộng sản chân chính. Đạo đức cộng sản của Người bắt nguồn, tỏa sáng từ tấm lòng yêu nước, thương dân, từ nhận thức có tính nguyên lý: “Ngoài lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc, thì Đảng không có lợi ích gì khác”²⁵; từ lẽ sống tận trung với Đảng, tận hiếu với dân, suốt đời phụng sự Tổ quốc,

phục vụ nhân dân, phấn đấu vì hạnh phúc của con người; luôn đặt lợi ích của cách mạng, của Đảng, của nhân dân lên trên hết, trước hết; kiên quyết quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng. Tư tưởng, đạo đức cộng sản thấm nhuần tự nhiên trong suy nghĩ, hành động của Người, được biểu hiện sinh động thành phong cách Hồ Chí Minh. Đó là phong cách tư duy khoa học, sáng tạo; phong cách lãnh đạo dân chủ, quần chúng, quyết đoán, nói đi đôi với làm; phong cách làm việc cụ thể, sâu sát, dứt điểm; phong cách sống giản dị, thanh cao; phong cách ứng xử tinh tế, nhân văn tràn đầy tình yêu thương con người.

Chính tư tưởng, đạo đức, phong cách cộng sản của Hồ Chí Minh đã trở thành niềm tin yêu, thành ngọn cờ dẫn dắt toàn Đảng, toàn dân trong sự nghiệp cách mạng lâu dài, gian khổ, trong công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Cán bộ, đảng viên, nhân dân tự hào, tin tưởng vì Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, rèn luyện, là Đảng Hồ Chí Minh. Sinh thời, Thủ tướng Phạm Văn Đồng -

người đồng chí gần gũi, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Hồ Chí Minh đã làm gương mẫu để xây dựng Đảng. Tấm gương của lãnh tụ được sự hưởng ứng tự nguyện và nhiệt tình của toàn Đảng, đã tạo nên khuôn phép chặt chẽ và thiêng liêng, để lại truyền thống tốt đẹp về Đảng và sự lãnh đạo của Đảng”²⁶.

3. Đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Trong suốt gần 90 năm lãnh đạo cách mạng, thấm nhuần tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Đảng ta thường xuyên chăm lo xây dựng, chỉnh đốn, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng nước ta. Bước vào thời kỳ đổi mới, nhất là những nhiệm kỳ đại hội Đảng gần đây, Đảng luôn xác định xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt. Đại hội Đảng, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng các nhiệm kỳ đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, quy định về

xây dựng, chỉnh đốn Đảng; phát động và lãnh đạo nhiều cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tuy nhiên, trước tác động của mặt trái của cơ chế kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, có nơi, có lúc, một số tổ chức đảng, một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ có chức, có quyền, không nhận thức đầy đủ tầm quan trọng đặc biệt của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, không thực hiện nghiêm túc nghị quyết, quy định của Đảng và những chỉ dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sa vào chủ nghĩa cá nhân, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, làm tổn hại thanh danh, uy tín của Đảng, giảm sút niềm tin của nhân dân.

Nhận thức sâu sắc nguy cơ tha hóa trong nội bộ Đảng; yêu cầu bức thiết, cấp bách của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; quán triệt, kế thừa, phát huy những giá trị vô giá của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Đại hội XII của Đảng đặt lên hàng đầu nhiệm vụ trọng tâm: “Tăng

cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược đủ năng lực, phẩm chất, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”²⁷. Trong hơn 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã đã tập trung cao độ ban hành, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiều nghị quyết quan trọng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; triển khai sâu rộng học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; đẩy mạnh quyết liệt cuộc đấu tranh chống tham nhũng và những khuyết tật trong Đảng, trong đó đội ngũ cán bộ chủ chốt, trước hết là các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Trung ương Đảng có trách nhiệm nêu gương. Quyết tâm chính trị, hành động quyết liệt của toàn Đảng đang tạo ra những chuyển biến tích cực, quan trọng, từng bước củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, tạo động lực cho công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Trên thực tế, công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay và trong thời kỳ sắp tới thể hiện sinh động giá trị bền vững của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Học tập, làm theo tấm gương vĩ đại của Người, toàn Đảng và cán bộ, đảng viên cần thấm nhuần sâu sắc những quan điểm của Người, học theo đạo đức, phong cách của Người, trong đó đặc biệt chú trọng:

Thứ nhất, giữ vững bản chất giai cấp, bản lĩnh chính trị, thống nhất tư tưởng, tiếp tục vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tiếp thu tinh hoa trong truyền thống dân tộc và văn minh của nhân loại, không ngừng hoàn thiện, lãnh đạo thực hiện thành công đường lối đổi mới, phấn đấu đưa đất nước trở thành quốc gia phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, xây dựng Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức, trọng tâm là xây dựng văn hóa, đạo đức trong toàn Đảng, trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, làm gương xây dựng văn hóa, đạo đức xã hội. Thực hiện bằng được lời căn dặn của Hồ Chí Minh: “Đảng ta là một Đảng

cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật sự trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”²⁸.

Thứ ba, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, phong cách của cán bộ, đảng viên, lấy hiệu quả phụng sự phát triển đất nước, chăm lo hạnh phúc của nhân dân làm chí hàng đầu; thực hiện theo phương châm Hồ Chí Minh chỉ dạy: “Phải nắm vững quy luật phát triển của cách mạng, phải tính toán cẩn thận những điều kiện cụ thể, những biện pháp cụ thể. Kế hoạch phải chắc chắn, cân đối. Chớ đem chủ quan của mình thay cho điều kiện thực tế. Phải phòng chống bệnh chủ quan, tác phong quan liêu, đại khái”²⁹.

Thứ tư, kiên quyết, kiên trì đấu tranh không khoan nhượng, khắc phục những yếu kém trong tổ chức đảng, ngăn chặn, đẩy lùi, tẩy trừ sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, đặc biệt là tình trạng tham nhũng, “lợi ích nhóm”, bè phái,

cơ hội chính trị, chạy chức, chạy liêm khiết, thật sự là Đảng của giai quyền, quan liêu, xa dân... trong các cấp, của dân tộc, được nhân dân tin bộ, đảng viên, làm cho Đảng thật sự yêu, ủng hộ ■

¹ ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.84.

^{2, 8} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tái bản lần thứ ba, tr.627, 617.

^{3, 16, 19} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tái bản lần thứ hai, tr.284, 267-268, 268.

^{4, 17, 24, 28} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd t.12, tr.505, 510, 503, 503.

^{5, 29} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.10, tr.378, 314.

⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, tr.65.

^{7, 18} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.6, tr.232, 175.

⁹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tái bản lần thứ hai, tr.509.

^{10, 21} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.8, tr.55; t.10, tr.377, 276.

¹¹ ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987.

¹² Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia - Ủy ban quốc gia UNESCO của Việt Nam, Hội thảo quốc tế: *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn*, Nxb Khoa học - Xã hội, Hà Nội, 1991, tr.183.

^{13, 14, 26} Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh - Tinh hoa và khí phách của dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.219, 180-181, 179.

¹⁵ Tham khảo Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn Khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh: *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr.132-175.

²⁰ Hoàng Tùng: *Quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh và giá trị chỉ đạo đối với cách mạng Việt Nam*, *Tạp chí Cộng sản*, số 4-1992, tr.12-13

^{22, 23, 25} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, tr.229-306, 229-306, 230.

²⁷ ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.217.



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

NHẬN THỨC, THỰC TIỄN VÀ GIẢI PHÁP VỀ PHÚC LỢI XÃ HỘI Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

● LÊ TẤN DŨNG

Thư trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Khái niệm phúc lợi xã hội và an sinh xã hội

Phúc lợi xã hội (PLXH) là một bộ phận thu nhập quốc dân được sử dụng nhằm thoả mãn những nhu cầu vật chất và tinh thần của các thành viên trong xã hội, chủ yếu được phân phối lại, ngoài phân phối theo lao động. Ba thành tố cơ bản trong việc đảm bảo phúc lợi xã hội là **nhà nước, thị trường lao động và dân cư** (cá nhân/gia đình).

Phúc lợi xã hội bao gồm những chi phí xã hội như: trả tiền hưu trí, các loại trợ cấp bảo hiểm xã hội, học bổng cho học sinh, những chi phí cho học tập không mất tiền, những

dịch vụ y tế, nghỉ ngơi, an dưỡng, nhà trẻ, mẫu giáo, v.v.. Với nội dung như vậy, PLXH có mục tiêu làm giảm thiểu sự bất công bằng trong xã hội, đảm bảo cho các thành viên trong xã hội đều có thể thụ hưởng những thành quả của phát triển. Tùy theo mức độ phát triển của các mặt kinh tế - xã hội, quỹ phúc lợi thường có ba nhóm cơ bản: tập trung của nhà nước quản lý; quỹ phúc lợi của các xí nghiệp, đơn vị kinh doanh và quỹ phúc lợi tập thể của các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất.

An sinh xã hội (ASXH) là sự bảo vệ của xã hội đối với các thành viên của mình thông qua một loạt các

biện pháp nhằm chống lại những khó khăn về kinh tế và xã hội do bị ngừng hoặc giảm thu nhập, gây ra bởi ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, thất nghiệp, thương tật, tuổi già và chết; đồng thời đảm bảo các chăm sóc y tế và trợ cấp cho các gia đình đông con.

ASXH và PLXH có cùng một mục tiêu là hướng đến một xã hội hưng thịnh, công bằng, bác ái và hạnh phúc cho mọi người. Tuy nhiên, điểm khác nhau thể hiện ở ưu tiên và nội dung cụ thể của chính sách: ASXH có mục tiêu đảm bảo thu nhập cho các thành viên trong xã hội để không bị rơi vào cảnh cùng cực, còn PLXH có mục tiêu giúp các thành viên trong xã hội được thụ hưởng thành quả của phát triển thông qua việc *phân phối lại, ngoài phân phối theo lao động* nhằm giảm bớt sự bất công bằng xã hội. Thuật ngữ PLXH được dùng phổ biến hơn ở các quốc gia phát triển, còn ASXH được dùng phổ biến ở các quốc gia đang phát triển.

2. Nhận thức về phúc lợi xã hội ở Việt Nam

Thực hiện phúc lợi xã hội (PLXH) cho người dân luôn được Đảng và

Nhà nước Việt Nam quan tâm. Ngay từ những ngày đầu thành lập nước, trong bối cảnh người dân cùng quần trong nạn đói, ngày 28-9-1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi đồng bào toàn quốc “cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn ăn ba bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo”. Bằng cách huy động nguồn lực trong dân như vậy, hàng chục vạn người nghèo đã được trợ giúp lương thực, thực phẩm, quần áo và nạn đói được đẩy lùi. Trong năm 1945, Nhà nước ban hành chính sách quy định công nhân được hưởng tiền phụ cấp khi bị thái hồi. Hiến pháp 1946 và một số sắc lệnh ban hành sau đó quy định các chế độ PLXH cho người dân như ốm đau, tai nạn và hưu trí. Năm 1947, các chế độ “lương hưu thương tật” đối với thương binh, chế độ “tiền tuất” đối với gia đình tử sỹ cũng được ban hành.

Hòa bình lập lại năm 1954, chúng ta xây dựng nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung ở miền Bắc và mở rộng ra toàn quốc khi đất nước thống nhất năm 1975, hướng đến mô hình nhà nước phúc lợi (nhà

nước bao cấp). Giai đoạn này, các chế độ cụ thể về bảo hiểm xã hội được ban hành, góp phần đảm bảo thu nhập thay thế cho người lao động trong trường hợp bị rủi ro ốm đau, tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp, mất sức lao động, nghỉ thai sản, nghỉ hưu, bị chết; các đối tượng xã hội, người dân bị tai nạn chiến tranh cũng được trợ giúp. Trong thời gian chiến tranh chống Mỹ, những người được hưởng trợ cấp, thương binh, gia đình liệt sỹ và những người được hưởng các chế độ tương tự thì được cấp tại nhà, tận tay, đúng kỳ, đúng số.

Sau khi đất nước thống nhất và những năm 1980 khi nền kinh tế nước ta lâm vào khủng hoảng, bên cạnh những chính sách chung, Nhà nước khuyến khích doanh nghiệp đảm bảo đời sống và phúc lợi cho người lao động.

Thực hiện đường đổi mới (từ năm 1986), nền kinh tế từ cơ chế bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Dưới góc độ quản lý xã hội, mô hình nhà nước phúc lợi từng bước chuyển sang mô hình nhà nước xã hội để phát huy vai

trò và trách nhiệm của các chủ thể (nhà nước, doanh nghiệp, người dân và các đối tác xã hội khác) trong tham gia, đóng góp phát triển kinh tế và thụ hưởng các thành quả của phát triển như Văn kiện Đại hội XII của Đảng xác định: "...bảo đảm để nhân dân được hưởng thụ ngày một tốt hơn thành quả của công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước". Khoản 2 Điều 59 Hiến pháp 2013 hiến định "Nhà nước tạo bình đẳng về cơ hội để công dân thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội, có chính sách trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn khác".

Thể chế hóa chủ trương của Đảng và Hiến pháp của Nhà nước, các chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp, hưu trí, tử tuất, trợ cấp tiền mặt hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội, hỗ trợ toàn bộ hoặc một phần mệnh giá thẻ bảo hiểm y tế, miễn giảm học phí, hỗ trợ tiền mặt và tín dụng ưu đãi để người dân có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở, đất ở, tiếp cận nước sạch, thông tin và truyền thông, các

phương tiện giao thông công cộng và các công trình/chương trình nghệ thuật, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, v.v.. được quy định cụ thể trong các luật, chính sách. Về cơ bản, các chế độ PLXH đã thực hiện tốt chức năng phân phối lại thu nhập, hỗ trợ người dân thụ hưởng các thành quả của quá trình phát triển.

Có thể thấy, trong giới nghiên cứu cũng như giữa các nhà quản lý, nhà hoạch định chính sách đã có sự đồng thuận về khái niệm và nội hàm của PLXH: (1) PLXH là một bộ phận thu nhập quốc dân được sử dụng để góp phần thỏa mãn nhu cầu vật chất và tinh thần của các thành viên trong xã hội; (2) thực hiện PLXH là thực hiện phân phối lại ngoài phân phối theo lao động; (3) PLXH là biện pháp nhằm giảm bớt sự bất công bằng xã hội.

Tuy vậy, về chủ thể thực hiện PLXH hiện đang còn 2 loại quan điểm khác nhau. Có quan điểm cho rằng, chỉ những chính sách phúc lợi của Nhà nước và do Nhà nước tổ chức thực hiện thì mới là PLXH. Với quan điểm này thì PLXH hiện nay ở nước ta là các chế độ thực hiện theo

các chính sách của nhà nước như: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; Pháp lệnh Ưu đãi người có công với Cách mạng; trợ giúp xã hội thường xuyên và đột xuất cho các đối tượng bảo trợ xã hội; miễn học phí cho học sinh tiểu học; miễn, giảm học phí cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí toàn bộ hoặc một phần, miễn hoặc giảm giá vé tham gia các phương tiện giao thông công cộng, tham quan các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, xem biểu diễn nghệ thuật cho một số nhóm đối tượng đặc thù (trẻ em, người cao tuổi, người có công...). Quan điểm này là hiện thân của mô hình nhà nước phúc lợi.

Quan điểm khác lại cho rằng, PLXH cũng có thể do các chủ thể ngoài nhà nước thực hiện. Một khi các thành viên trong xã hội hoặc một nhóm dân cư được thụ hưởng lợi ích thông qua hình thức phân phối lại ngoài thu nhập theo lao động thì đó là PLXH. Nói cách khác, PLXH có thể do Nhà nước hoặc chủ thể ngoài nhà nước thực hiện,

nhưng Nhà nước đóng vai trò chủ đạo. Quan điểm này phù hợp với mô hình nhà nước xã hội và tương đồng với khái niệm PLXH đã đề cập ở trên. Nhận thức về PLXH như vậy là phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường; phát huy được nguồn lực trong xã hội; gia tăng vai trò và trách nhiệm của các chủ thể nên thúc đẩy sự gắn kết xã hội trong nền kinh tế thị trường và kết quả là tạo ra nhiều cơ hội hơn để người dân, nhất là những người yếu thế, dễ bị tổn thương được hưởng lợi từ thành quả của phát triển, làm giảm sự bất công bằng xã hội.

3. Thực trạng thực hiện phúc lợi xã hội ở Việt Nam

Ở Việt Nam, PLXH được thực hiện thông qua 3 nguồn tài chính: (1) dựa trên đóng góp của các chủ thể tham gia thị trường; (2) ngân sách nhà nước đảm bảo; và (3) huy động từ cộng đồng.

(1) Thực hiện phúc lợi xã hội bằng nguồn tài chính dựa trên đóng góp

Thông qua chính sách bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, Nhà nước đã tạo lập được các quỹ BHXH để thực hiện

các chế độ PLXH. Các quỹ thực hiện theo nguyên tắc đóng - hưởng nhưng *hoạt động theo cơ chế chia sẻ rủi ro, phân phối lại không hoàn toàn dựa trên đóng góp*, cụ thể: người đóng góp nếu không bị rủi ro (ốm đau, tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp, mất việc làm, v.v..) thì không được hưởng; người bị rủi ro nhiều được hưởng nhiều hơn; người sống thọ hơn được hưởng nhiều hơn.

Đến hết năm 2018, số người tham gia BHXH chiếm gần 31%, bảo hiểm thất nghiệp chiếm 26% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động. Hiện có hơn 3,1 triệu người đang hưởng các chế độ hưu trí và trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng. Hằng năm, có hàng triệu lượt người hưởng trợ cấp một lần, mai táng phí, trợ cấp ốm đau, thai sản, nghỉ dưỡng sức; trên 600 nghìn người hưởng trợ cấp thất nghiệp. Giai đoạn 2010 - 2018 có trên 180.000 người thất nghiệp được hỗ trợ học nghề, nhiều người thất nghiệp sau khi tham gia các khóa học nghề đã có việc làm và ổn định cuộc sống.

Số người tham gia bảo hiểm y tế hiện chiếm trên 87,5% dân số. Năm

2018 có 176,4 triệu lượt người đi khám chữa bệnh theo bảo hiểm y tế với tổng chi phí khám chữa bệnh là 95.500 tỷ đồng. Bảo hiểm y tế đã hỗ trợ đáng kể chi phí tài chính cho người dân khi bị ốm đau, bệnh tật.

Trong nền kinh tế thị trường, ngoài tham gia các chính sách BHXH theo quy định, một số doanh nghiệp còn tham gia bảo hiểm nhân thọ cho người lao động; một số công ty, tập đoàn có tiềm lực kinh tế mạnh đã thực hiện chính sách hưu trí bổ sung tự nguyện như là những chính sách phúc lợi của doanh nghiệp đối với người lao động.

(2) Thực hiện phúc lợi xã hội bằng ngân sách nhà nước

Ngân sách nhà nước thực hiện PLXH chủ yếu theo nguyên tắc thụ hưởng có điều kiện, tức là người dân đáp ứng những tiêu chuẩn, điều kiện nhất định thì được hưởng chế độ PLXH do Nhà nước tổ chức thực hiện bằng nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo, kết quả thực hiện cụ thể như sau:

Người có công với cách mạng và thân nhân tùy theo trường hợp sẽ được hưởng một hoặc một số chế độ

ưu đãi xã hội (trợ cấp và phụ cấp ưu đãi hàng tháng, một lần; hỗ trợ về nhà ở; phương tiện chỉnh hình, phục hồi chức năng; điều dưỡng định kỳ; cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí; miễn học phí v.v.). Tính đến hết năm 2018, cả nước có trên 1,3 triệu người có công được hưởng trợ cấp hàng tháng. Mỗi năm giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần cho 6 đến 8 nghìn trường hợp, đưa trên 580 nghìn lượt người có công đi điều dưỡng định kỳ và hỗ trợ giáo dục cho khoảng 40 nghìn lượt người.

Người nghèo, hộ gia đình nghèo được nhận các chính sách hỗ trợ tín dụng ưu đãi phát triển sản xuất; miễn giảm học phí; tín dụng học sinh, sinh viên; hỗ trợ nhà ở gồm cả nhà ở phòng, tránh bão lụt; hỗ trợ 30kw điện sinh hoạt; cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí, v.v.. Các chế độ PLXH bằng nguồn ngân sách nhà nước cùng với các chính sách phát triển kinh tế - xã hội khác hỗ trợ người nghèo, vùng nghèo đã góp phần giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân khoảng 2%/năm

giai đoạn 2010 - 2015 (từ 14,2% cuối năm 2010 xuống dưới 4,5% năm 2015). Riêng các huyện nghèo giảm 6%/năm, từ 58,3% xuống còn 28%. Theo chuẩn nghèo đa chiều, từ năm 2016, tỷ lệ nghèo giảm bình quân 1,3%/năm (năm 2016, tỷ lệ nghèo là 7,9% và giảm còn 5,23% năm 2018).

Người từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, người nghèo trên 60 tuổi không có người có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn khác như người khuyết tật nặng, đặc biệt nặng, trẻ mồ côi, v.v.. được nhận trợ cấp thường xuyên với mức chuẩn trợ cấp 27.000 đồng/người/tháng để hỗ trợ sinh sống và được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí để khi ốm đau có thể dễ dàng tiếp cận dịch vụ y tế. Đến năm 2018, có 2,839 triệu người được hưởng trợ cấp tiền mặt hằng tháng, chiếm gần 3% dân số. Một số địa phương tự cân đối được ngân sách đã chủ động tăng ngân sách cho trợ giúp xã hội trên cơ sở điều chỉnh nâng mức trợ cấp hằng tháng cho các đối tượng cao hơn mức chuẩn chung của cả nước. Cả nước hiện có

418 cơ sở trợ giúp xã hội (49% cơ sở công lập, 51% cơ sở ngoài công lập), trong đó có 34 trung tâm công tác xã hội, đang nuôi dưỡng chăm sóc 41.434 đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Chương trình dinh dưỡng quốc gia, dinh dưỡng học đường; tiêm chủng mở rộng; cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi, hỗ trợ một phần kinh phí (30% - 100%) cho học sinh, sinh viên tham gia bảo hiểm y tế v.v.. đã góp phần tích cực vào giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em.

Học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, cận nghèo, dân tộc thiểu số, vùng khó khăn được miễn, giảm học phí, trợ cấp học bổng, hỗ trợ điều kiện học tập. Năm học 2017 - 2018 có hơn 520.000 học sinh đã nhận được gạo hỗ trợ và hơn 1.800 tỷ đồng tiền hỗ trợ ăn trưa cho các học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn. Trong 3 năm (2016 - 2018), thực hiện chính sách nội trú cho trên 60 nghìn học sinh, sinh viên (người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật chiếm 85%; người tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc

nội trú chiếm 7%; người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc người khuyết tật có hộ khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo chiếm 8%).

Chương trình nhà ở xã hội được triển khai mạnh mẽ trong những năm gần đây để thực hiện mục tiêu mọi người dân đều có nhà ở an toàn. Đến hết năm 2018, trên địa bàn cả nước đã hoàn thành 198 dự án nhà ở xã hội, quy mô xây dựng hơn 81.700 căn, với tổng diện tích hơn 4.085.000m². Đang tiếp tục triển khai 226 dự án, với quy mô xây dựng khoảng 182.200 căn và tổng diện tích khoảng 9.110.000m². Trong đó, chương trình phát triển nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị đã hoàn thành đầu tư xây dựng 98 dự án, với 40.700 căn hộ, tổng diện tích khoảng 2.035.000m²; đang tiếp tục triển khai 153 dự án, với 93.800 căn hộ, tổng diện tích khoảng 4.690.000m². Chương trình phát triển nhà ở xã hội dành cho công nhân khu công nghiệp đã hoàn

thành đầu tư xây dựng 100 dự án, với 41.000 căn hộ, tổng diện tích 2.050.000m²; đang tiếp tục triển khai 73 dự án với 88.400 căn hộ, tổng diện tích 4.420.000m².

Để người dân, đặc biệt là dân cư nông thôn, vùng dân tộc thiểu số, vùng núi cao được tiếp cận nước sinh hoạt hợp vệ sinh, giai đoạn 2012 - 2015 đã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn. Giai đoạn 2016 - 2019, chương trình được lồng ghép trong Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đã tăng từ 80,5% năm 2012 lên 85% năm 2015 và đạt 88% vào năm 2018. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế đạt 52% vào năm 2018 so với mức 38,7% năm 2012. Việc thực hiện chương trình đã cải thiện điều kiện vệ sinh nông thôn, góp phần nâng cao sức khỏe và chất lượng sống cho người dân nông thôn, vùng dân tộc thiểu số.

Các hộ nghèo, hộ cận nghèo ở vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa,

biên giới và hải đảo được Nhà nước hỗ trợ sử dụng dịch vụ điện thoại cố định hoặc dịch vụ thông tin di động mặt đất trả sau theo giá cước dịch vụ viễn thông công ích nếu đã ký hợp đồng sử dụng dịch vụ với doanh nghiệp viễn thông, thu xem các chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu qua hệ thống truyền hình quảng bá công nghệ số. Vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn được cấp 24 loại ấn phẩm báo chí, tạp chí tiếp nhận thông tin về các chính sách, pháp luật của nhà nước, gương người tốt việc tốt, mô hình sản xuất, kinh doanh giỏi.

Người có công với cách mạng, người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng dễ bị tổn thương khác được miễn, giảm giá vé khi sử dụng các phương tiện giao thông công cộng, tham quan các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử.

Trường hợp người dân bị rủi ro do thiên tai bão lụt, hạn hán, rét đậm, rét hại, và các nguyên nhân khách quan khác có nhu cầu được trợ giúp đột xuất (hộ gia đình có người bị

chết, bị thương, thiếu lương thực, nhà đổ, trôi, cháy, hư hỏng nặng...) đều được hưởng chế độ trợ giúp đột xuất. Từ năm 2012 - 2018, Chính phủ đã hỗ trợ 329 nghìn tấn gạo cho các địa phương để cứu đói cho hơn 17,4 triệu nhân khẩu thiếu lương thực; hỗ trợ hơn 3.700 tỷ đồng để các địa phương hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, trong đó bao gồm kinh phí thực hiện trợ giúp đột xuất và kinh phí khôi phục cơ sở hạ tầng thiết yếu.

(3) Thực hiện phúc lợi xã hội bằng nguồn tài chính huy động từ cộng đồng

Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp, các doanh nghiệp và các nhà hảo tâm đã đóng góp một phần tài chính đáng kể vào thực hiện hỗ trợ người có công với cách mạng, người nghèo, người yếu thế, góp phần quan trọng trong việc tăng cường tính gắn kết xã hội, xây dựng xã hội nhân ái, hài hòa, tiến bộ. Các phong trào đền ơn đáp nghĩa với người và gia đình người có công với cách mạng đã được thực hiện sâu, rộng và hiệu quả. Giai đoạn 2012 - 2018,

Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” cả nước đã tiếp nhận được sự ủng hộ gần 6.000 tỷ đồng; tặng gần 98.000 sổ tiết kiệm tình nghĩa với trị giá gần 958 tỷ đồng. Đến nay, 98,5% người có công với cách mạng có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của người dân nơi cư trú; trên 98% xã phường làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ. Trong giai đoạn này, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên đã tiếp nhận ủng hộ từ các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị, các tổ chức trong nước và quốc tế, người Việt Nam ở nước ngoài, các cá nhân hơn 32.980 tỷ đồng để thực hiện ASXH. Trong đó, ủng hộ qua Quỹ “Vi người nghèo” 4 cấp (trung ương, tỉnh, huyện, xã) hơn 7.339 tỷ đồng và ủng hộ trực tiếp chương trình an sinh xã hội ở các địa phương được trên 25.640 tỷ đồng.

Ngoài ra, các mô hình chính hình phục hồi chức năng cho người khuyết tật, trẻ em khuyết tật dựa vào cộng đồng; mô hình “Ngôi nhà tạm lánh” cung cấp dịch vụ tạm lánh, hỗ trợ tâm lý, bảo vệ phụ nữ và trẻ em bị bạo lực gia đình; mô hình “Ngôi

nhà bình yên” bảo vệ chăm sóc cho phụ nữ và trẻ em bị mua bán trở về cũng ngày càng khẳng định vai trò trong hỗ trợ các nhóm đối tượng yếu thế, bị rủi ro.

4. Hạn chế, bất cập và giải pháp phát triển phúc lợi xã hội

Phạm vi bao phủ của PLXH còn hạn hẹp, chủ yếu hướng đến nhóm khá giả còn được gọi là nhóm trung lưu toàn cầu với mức tiêu dùng trên 15USD PPP/người/ngày (thông qua các chính sách bảo hiểm) và nhóm nghèo, cận nghèo với mức tiêu dùng dưới 5,5USD PPP/ngày (thông qua các chính sách trợ giúp xã hội do ngân sách nhà nước đảm bảo và huy động từ cộng đồng). Nhóm trung lưu mới nổi với mức tiêu dùng 5,5 - 15USD PPP/ngày (hiện chiếm gần 60% dân số) dường như đang bị bỏ rơi, không tham gia BHXH và cũng không thuộc diện được thụ hưởng các chế độ trợ giúp xã hội bằng nguồn ngân sách nhà nước. Nhóm trung lưu mới nổi là nhóm dân cư năng động nhưng dễ gặp rủi ro và dễ rơi vào cảnh nghèo đói. Việc có chính sách PLXH và phương thức tổ chức thực hiện phù

hợp với đặc điểm của nhóm này sẽ phát huy được trách nhiệm của họ trong xây dựng một xã hội gắn kết; đồng thời giảm nhẹ gánh nặng cho ngân sách nhà nước cần trợ giúp họ khi gặp rủi ro (nhất là trong tương lai, khi họ về già).

Khu vực tư (doanh nghiệp) trong thực hiện PLXH cho người lao động, cho cộng đồng chưa trở thành một trào lưu trong xã hội. Doanh nghiệp thực hiện tốt phúc lợi cho người lao động là một trong những nền tảng giúp phát huy hết thái độ, trách nhiệm, sáng kiến và sự tận tâm của người lao động trong sản xuất, góp phần nâng cao năng suất lao động, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Do vậy, cần cơ chế khuyến khích để doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm xã hội, vì một cộng đồng gắn kết và thịnh vượng.

Ngân sách chi thực hiện ASXH tăng dần nhưng tỷ lệ chi trong tổng chi ngân sách cũng như so với GDP đang giảm dần cho thấy việc thực hiện chính sách xã hội chưa được coi trọng, chưa đáp ứng quan điểm của Đảng “gắn kết chặt chẽ chính sách

kinh tế với chính sách an sinh xã hội, phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, bảo đảm để nhân dân được hưởng thụ ngày một tốt hơn thành quả của công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước” và nhu cầu của người dân. Tỷ lệ chi cho ASXH trong tổng chi ngân sách nhà nước giảm từ 10,58% năm 2012 xuống còn 5,67% năm 2018; so với GDP, giảm dần từ 2,95% xuống còn 1,9% trong cùng giai đoạn. Do vậy, cần xây dựng bộ tiêu chuẩn xã hội tối thiểu và tiến tới có qui định về tỷ lệ chi thực hiện chính sách xã hội trong tổng chi ngân sách nhà nước hoặc so với GDP hằng năm.

Tuy phạm vi bao phủ của PLXH, ASXH còn hạn hẹp nhưng vấn đề lạm dụng, trục lợi, lãng phí ngân sách đã và đang xảy ra. Nghiên cứu của UNDP cho rằng tỷ lệ rò rỉ của Việt Nam khoảng 40%. Nguyên nhân chủ yếu là hệ thống quản lý và cung cấp dịch vụ còn lạc hậu. Do vậy, cần tận dụng thế mạnh của công nghệ số để nhanh chóng hiện đại hóa hệ thống ASXH, PLXH của nước ta ■

KHÁI NIỆM HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ, MÔ HÌNH TỔ CHỨC HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ; NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ QUY ĐỊNH MÔ HÌNH TỔ CHỨC CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

● PGS, TS NGUYỄN VĂN GIANG

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

I. KHÁI NIỆM CHUNG

1. Khái niệm hệ thống chính trị

Hệ thống chính trị là một chỉnh thể các tổ chức chính trị và chính trị - xã hội trong xã hội bao gồm các đảng chính trị, nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội hợp pháp được liên kết với nhau trong một hệ thống tổ chức nhằm tác động vào các quá trình của đời sống xã hội, để củng cố, duy trì và phát triển chế độ đương thời phù hợp với lợi ích của chủ thể giai cấp cầm quyền.

Hệ thống chính trị xuất hiện cùng với sự thống trị của giai cấp, nhà nước và thực hiện đường lối chính trị của giai cấp cầm quyền, do đó hệ

thống chính trị mang bản chất giai cấp của giai cấp cầm quyền.

Ở nước ta, giai cấp công nhân và nhân dân lao động là chủ thể của quyền lực. Bởi vậy, hệ thống chính trị ở nước ta là công cụ thực hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay bao gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông

dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội hợp pháp khác của nhân dân được thành lập, hoạt động trên cơ sở liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức làm nền tảng, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, thực hiện và đảm bảo đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân.

Hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay có những đặc điểm cơ bản sau:

Một là, các tổ chức trong hệ thống chính trị ở nước ta đều lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Các quan điểm và nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đều được tổ chức trong hệ thống chính trị ở nước ta vận dụng, ghi rõ trong hoạt động của từng tổ chức.

Hai là, hệ thống chính trị ở nước ta đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng

sản Việt Nam. Đảng là một tổ chức trong hệ thống chính trị nhưng có vai trò lãnh đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị. Trong điều kiện cụ thể ở nước ta, do những phẩm chất của mình - Đảng là đại biểu cho ý chí và lợi ích thống nhất của các dân tộc; do truyền thống lịch sử mang lại và do những thành tựu rất

Ở nước ta, giai cấp công nhân và nhân dân lao động là chủ thể của quyền lực. Bởi vậy, hệ thống chính trị ở nước ta là công cụ thực hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

to lớn đạt được trong hoạt động thực tiễn cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng... làm cho Đảng ta trở thành Đảng chính trị duy nhất có khả năng tập hợp quần chúng lao động đông đảo để thực hiện lý tưởng của Đảng, nhân dân tự nguyện đi theo Đảng, thừa nhận

vai trò lãnh đạo của Đảng trong thực tế. Đây là đặc trưng cơ bản của hệ thống chính trị ở nước ta.

Ba là, hệ thống chính trị ở nước ta được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nguyên tắc này được tất cả các tổ chức trong hệ thống chính trị ở nước ta thực hiện.

Việc quán triệt và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ là nhân tố cơ bản đảm bảo cho hệ thống chính trị có được sự thống nhất về tổ chức và hành động nhằm phát huy sức mạnh đồng bộ của toàn hệ thống cũng như của mỗi tổ chức trong hệ thống chính trị.

Bốn là, hệ thống chính trị bảo đảm sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân và tính nhân dân, tính dân tộc rộng rãi.

Đây là đặc điểm khác biệt căn bản của hệ thống chính trị ở nước ta với hệ thống chính trị của các nước tư bản chủ nghĩa, thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, sự thống nhất lợi ích giữa giai cấp công nhân, nhân dân lao động cũng như cả dân tộc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

2. Khái niệm mô hình tổ chức hệ thống chính trị

2.1. Mô hình tổ chức

Mô hình là khái niệm được dùng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực, do đó, khái niệm mô hình được tiếp cận từ nhiều góc độ, cấp độ khác nhau.

Theo Từ điển Tiếng Việt, *mô hình* có 2 nghĩa: 1) Vật cùng hình dạng nhưng được làm thu nhỏ lại hoặc phóng to lên, mô phỏng cấu tạo và hoạt động của vật thật để tiện trình bày, nghiên cứu. *Mô hình máy bay; Mô hình khu đô thị mới.* 2) Hình thức diễn đạt hết sức gọn theo một ngôn ngữ nào đó các đặc trưng chủ yếu của một đối tượng, để nghiên cứu đối tượng ấy. *Mô hình của câu đơn.*

Cũng có ý kiến cho rằng, mô hình là một bản thiết kế, một sự mô phỏng (phỏng theo) về một khách thể (một sự vật, hiện tượng, quá trình) đã, đang, sẽ hoặc có thể hiện hữu.

Trong nghiên cứu, mô hình (model) là sự đơn giản hóa hiện thực một cách có chủ định. Nó cho phép nhà nghiên cứu bỏ qua các mặt thứ yếu để tập trung vào phương diện chủ yếu, có ý nghĩa quan trọng đối với vấn đề nghiên cứu.

Trong hoạt động xã hội, các chủ thể hành động tương tác với nhau để trao đổi vật chất, năng lượng, thông tin, tạo ra những mối liên hệ và quan hệ xã hội. Những tương tác xã hội

lập đi lập lại cố kết con người lại với nhau, có quy tắc nhất định, ít tự phát hơn, có cơ cấu đoán trước được, hình thành những mô hình xã hội (*mô hình làng văn hóa; mô hình nông thôn mới*). Như vậy, mô hình xã hội lại là một khách thể sống động, có tính điển hình.

Từ những cách tiếp cận và quan niệm khác nhau nêu trên, cho thấy: *Mô hình là sự mô phỏng về một khách thể (một sự vật, hiện tượng, quá trình) đã, đang, sẽ hoặc có thể hiện hữu, nhưng cũng có thể là một khách thể hiện hữu có tính điển hình.*

Trong đời sống xã hội có rất nhiều loại mô hình được xây dựng bằng những chất liệu khác nhau (vật chất, hình ảnh, sơ đồ, ngôn ngữ, số, ký hiệu...), như: mô hình vật lý, mô hình hóa học, mô hình toán học, mô hình kinh doanh; mô hình nghiên cứu, mô hình trưng bày, mô hình thu nhỏ, mô hình phóng to, mô hình thực, mô hình ảo...

Tổ chức là hình thức liên kết cụ thể giữa con người với con người để thực hiện một nhiệm vụ chung hoặc nhằm đạt được mục tiêu nhất định. Tập hợp người trong tổ chức không

phải là một tập hợp hỗn độn mà là một tập hợp có trật tự, theo những nguyên tắc nhất định, có cơ cấu tổ chức, có sự bố trí, sắp xếp, phân công, phối hợp.

Mỗi lĩnh vực, mỗi khoa học lại có cách tiếp cận riêng về tổ chức, nên đến nay có nhiều quan niệm khác nhau về tổ chức. Tuy nhiên, trong đời sống xã hội, tổ chức được hiểu phổ biến theo hai nghĩa: *Thứ nhất*, tổ chức là một hoạt động - hoạt động liên hiệp nhiều người lại để thực hiện một nhiệm vụ, mục tiêu nhất định. *Thứ hai*, tổ chức là một tập hợp người có trật tự để thực hiện một nhiệm vụ chung hoặc nhằm đạt được mục tiêu nhất định.

Tổ chức gắn liền với cơ cấu tổ chức, trong đó các nguồn lực được sắp xếp, hoạt động được phân chia, con người và các bộ phận được phối hợp nhằm thực thi mục tiêu của tổ chức. Là hình thức cấu tạo bên trong của tổ chức, cơ cấu tổ chức thể hiện mối quan hệ giữa những con người trong tổ chức, đồng thời thể hiện mô hình của tổ chức. Cơ cấu tổ chức thể hiện hình thức cấu tạo của tổ chức, bao gồm sự phân chia tổng thể tổ

chức thành các bộ phận có tính độc lập tương đối để thực hiện các hoạt động nhất định và mối quan hệ giữa các bộ phận trong tổng thể. Tổ chức nào cũng có một mô hình cơ cấu tổ chức và để xây dựng, điều khiển một tổ chức bao giờ cũng cần một thiết kế mô hình tổ chức của tổ chức đó.

Vậy, *mô hình tổ chức là loại mô hình xã hội, là cơ cấu tổ chức của một tổ chức hiện hữu có tính điển hình hay là thiết kế cơ cấu tổ chức của một tổ chức dự định sẽ xây dựng.*

Mô hình tổ chức thường được thể hiện bằng sơ đồ, bản vẽ, hình ảnh, ngôn ngữ để mô tả cơ cấu, mối quan hệ giữa các bộ phận trong cơ cấu tổ chức.

2.2. Mô hình tổ chức tổng thể hệ thống chính trị

Tổng thể là tập hợp nhiều sự vật có quan hệ chặt chẽ với nhau, làm thành một thể thống nhất có những đặc trưng riêng (như: *tổng thể kiến trúc, tổng thể nền kinh tế quốc dân*). Theo nghĩa tính từ, là có tính chất tổng thể (như: *quy hoạch tổng thể; có cái nhìn tổng thể*).

Mô hình tổ chức tổng thể là mô hình tổ chức của tất cả các bộ phận

của tổ chức trong một thể thống nhất, bao quát.

Mô hình tổ chức tổng thể hệ thống chính trị là cơ cấu tổ chức tổng thể hệ thống chính trị hiện hữu hay là thiết kế cơ cấu tổ chức của hệ thống chính trị dự định sẽ xây dựng.

Khái niệm mô hình tổ chức tổng thể hệ thống chính trị hàm nghĩa là mô hình có tính bao quát, tính khung, là “đường viền lớn” của hệ thống chính trị, có sự phân biệt với mô hình tổ chức bộ máy chi tiết, cụ thể của một tổ chức, một bộ phận trong hệ thống chính trị.

Các loại mô hình tổ chức tổng thể hệ thống chính trị

Tùy theo cách tiếp cận có thể chia mô hình tổ chức tổng thể hệ thống chính trị (gọi tắt là *mô hình tổ chức hệ thống chính trị*) ra những loại khác nhau, như:

+ *Theo chế độ xã hội (phương thức sản xuất):*

- Mô hình tổ chức hệ thống chính trị phong kiến; mô hình tổ chức hệ thống chính trị TBCN; mô hình tổ chức hệ thống chính trị XHCN;

+ *Theo thể chế đảng cầm quyền*

- Mô hình tổ chức hệ thống chính

trị đa đảng cầm quyền; mô hình tổ chức hệ thống chính trị một đảng cầm quyền nổi trội; mô hình tổ chức hệ thống chính trị hai đảng thay nhau cầm quyền; mô hình tổ chức hệ thống chính trị nhất nguyên đa đảng; mô hình tổ chức hệ thống chính trị nhất nguyên một đảng duy nhất cầm quyền...

+ Theo tính chất phát triển

- Mô hình tổ chức hệ thống chính trị phát triển; mô hình tổ chức hệ thống chính trị đang chuyển đổi;

+ Theo thể chế nhà nước

- Mô hình tổ chức hệ thống chính trị tam quyền phân lập; mô hình tổ chức hệ thống chính trị tập quyền; mô hình tổ chức hệ thống chính trị dân chủ; mô hình tổ chức hệ thống chính trị quân chủ; mô hình tổ chức tổng thể hệ thống chính trị hỗn hợp...

3. Khái niệm mô hình tổ chức tổng thể hệ thống chính trị Việt Nam

Từ quan niệm về mô hình tổ chức tổng thể hệ thống chính trị nói chung nêu trên có thể thấy: *Mô hình tổ chức tổng thể hệ thống chính trị Việt Nam là khái niệm chỉ cơ cấu tổ chức tổng thể hệ thống*

chính trị Việt Nam hiện nay hay là thiết kế cơ cấu tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị Việt Nam dự định sẽ xây dựng.

Các thành tố chủ yếu trong mô hình tổ chức tổng thể hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay cần thể hiện gồm:

- Cơ cấu tổ chức tổng thể hệ thống chính trị Việt Nam; cơ cấu tổ chức tổng thể của Đảng Cộng sản Việt Nam; cơ cấu tổ chức tổng thể của Nhà nước CHXHCN Việt Nam; cơ cấu tổ chức tổng thể của các tổ chức chính trị - xã hội.

4. Vai trò của mô hình tổ chức của hệ thống chính trị

Trong đời sống xã hội, mô hình có tầm quan trọng rất lớn. Có những lĩnh vực, có những hoạt động trong đó, việc xác định đúng hay sai mô hình hoạt động có tính quyết định thành bại, như mô hình tổ chức tập hợp quần chúng; mô hình kinh doanh...

Từ thực tế xây dựng hệ thống chính trị trên thế giới cũng như ở Việt Nam cho thấy, mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị có những vai trò nổi bật sau:

- *Xác định rõ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ, cơ chế vận hành giữa các bộ phận trong hệ thống chính trị, do đó quy định sự phân chia, bố trí hợp lý hay không hợp lý các tổ chức bộ phận trong hệ thống chính trị.*

- *Là một bộ phận thuộc phương thức lãnh đạo của Đảng, phương thức cầm quyền của Đảng.*

- *Ảnh hưởng lớn đến tập hợp, phát huy các nguồn lực của đất nước.*

- *Giúp nhà lãnh đạo, quản lý nắm bắt rõ ràng tổ chức của hệ thống chính trị để lãnh đạo, quản lý đúng đắn, hiệu quả và định hướng kiện toàn tổ chức, tối ưu hóa tổ chức, nhân sự, phương thức hoạt động của hệ thống chính trị.*

- *Giúp việc nghiên cứu đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị.*

Với vai trò nêu trên cho thấy mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị Việt Nam có tầm quan trọng đặc biệt trong việc xây dựng, kiện toàn tổ chức, bộ máy của hệ

thống chính trị hiện nay, và do đó quan hệ đến phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng; đến sự phát triển, ổn định và bền vững của chế độ, đất nước.

II. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ QUY ĐỊNH MÔ HÌNH TỔ CHỨC CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM HIỆN NAY

1. Yếu tố khách quan

(1) *Bản chất giai cấp của Đảng cầm quyền, Nhà nước xã hội chủ nghĩa*

Mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị Việt Nam phải phù hợp với việc Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân. Mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị Việt Nam phải phù hợp với việc Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc. Nhà nước

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

(2) *Thể chế đảng cầm quyền và nhà nước:* Mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay dù đổi mới cách gì cũng phải phù hợp với thể chế một đảng cầm quyền duy nhất và quyền lực Nhà nước là thống nhất, đó là: Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội; Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

(3) *Lịch sử hình thành, phát triển hệ thống chính trị:* Mô hình tổ chức tổng thể hệ thống chính trị Việt Nam được hình thành từ Cách mạng tháng Tám năm 1945, được phát triển, thử thách trong quá

trình cách mạng Việt Nam hơn 70 năm và đã được khẳng định bởi những tác dụng, đóng góp to lớn cho sự nghiệp cách mạng. Hiện nay, hệ thống chính trị Việt Nam đã phát triển thành hệ thống tổ chức to lớn, tinh vi, nhiều tầng nấc, bao trùm toàn bộ xã hội, gắn với việc làm, lợi ích của hàng chục vạn cán bộ, công chức.

(4) *Cơ cấu giai cấp, giai tầng xã hội; so sánh lực lượng; vai trò, sự đóng góp về chính trị, kinh tế, xã hội của các giai tầng:* Khi thiết lập, đổi mới mô hình tổ chức tổng thể hệ thống chính trị bắt buộc phải tính đến, phản ánh được yếu tố cơ cấu giai cấp, giai tầng xã hội; so sánh lực lượng; vai trò, sự đóng góp về chính trị, kinh tế, xã hội của các giai tầng.

(5) *Yêu cầu phát triển đất nước:* Đây là mệnh lệnh tối cao đối với mô hình tổ chức tổng thể hệ thống chính trị, đồng thời cũng là tiêu chí cao nhất đánh giá tính hợp lý của mô hình tổ chức tổng thể hệ thống chính trị

(6) *Trình độ phát triển của đất nước, quốc gia:* Mô hình tổ chức hệ thống chính trị không thể tách rời

trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước, quốc gia.

(7) *Trình độ dân trí, dân chủ*: Trình độ dân trí, dân chủ của nhân dân, xã hội phát triển đến đâu thì mô hình tổ chức hệ thống chính trị phải phát triển phù hợp.

(8) *Quốc tế*: Trong điều kiện, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, khi xây dựng, đổi mới mô hình tổ chức tổng thể hệ thống chính trị Việt Nam phải tính đến hiện trạng và xu hướng phát triển mô hình tổ chức hệ thống chính trị trên thế giới và những kinh nghiệm xây dựng, vận hành của mô hình tổ chức hệ thống chính trị trên thế giới.

2. Yếu tố chủ quan:

(1) *Đường lối chính trị của Đảng*: Đây là yếu tố quyết định mô hình tổ chức hệ thống chính trị. Mô hình tổ chức hệ thống chính trị phải đáp

ứng, phục vụ thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng.

(2) *Trình độ nhận thức, kinh nghiệm của đảng*

Trình độ nhận thức lý luận của Đảng là cơ sở cho xác lập, đổi mới mô hình tổ chức hệ thống chính trị. Kinh nghiệm chính trị và xây dựng mô hình tổ chức tổng thể hệ thống chính trị Việt Nam của Đảng cũng là những cơ sở dữ liệu rất quan trọng cho đổi mới mô hình tổ chức tổng thể hệ thống chính trị Việt Nam.

(3) *Bản lĩnh, ý chí chính trị của lãnh đạo Đảng*: Đổi mới mô hình tổ chức tổng thể hệ thống chính trị là việc rất lớn, rất hệ trọng, ảnh hưởng tới xu hướng phát triển, sinh mệnh của đảng cầm quyền nên không dễ, phụ thuộc rất trực tiếp vào bản lĩnh, ý chí chính trị của lãnh đạo Đảng ■

¹ Trung tâm từ điển học: *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, 2010, tr.819.

MÔ HÌNH TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC: HIỆN TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐỔI MỚI

● TS NGUYỄN SĨ DŨNG

Văn phòng Quốc hội

1. Bối cảnh

Trong quá trình chuyển đổi, bên cạnh những cải cách sâu rộng về kinh tế, những cải cách chính trị cũng đã từng bước được tiến hành ở đất nước ta. Tuy nhiên, nếu những cải cách về kinh tế cơ bản đã tạo nên một hệ chuẩn mới, thì những cải cách về chính trị lại chưa tạo được những chuyển biến đáng kể về chất. Đất nước ta đang đối mặt với một tình cảnh khá đặc biệt là hệ thống tổ chức Nhà nước được xây dựng trên hai hệ chuẩn khác nhau. Hai hệ chuẩn đó là hệ chuẩn pháp quyền hiện đại và hệ chuẩn Xô viết. Khi Hiến pháp năm 2013 khẳng định về sự “kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp” (Điều 2, Hiến pháp 2013) và phân chia quyền lập pháp cho Quốc hội, quyền hành pháp cho Chính phủ và quyền tư pháp cho Tòa

án, thì chúng ta đang vận hành hệ thống theo hệ chuẩn của pháp quyền hiện đại. Tuy nhiên, khi các quyết định quan trọng nhất liên quan đến cả quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp vẫn do Đảng đảm nhiệm thì chúng ta vẫn đang vận hành hệ thống theo hệ chuẩn Xô viết.

Tình trạng một hệ thống mà hai hệ chuẩn đang sinh ra rất nhiều vấn đề: từ việc xung đột lẫn nhau giữa các thiết chế, việc quy trình quản trị phức tạp, rối rắm, đến việc lãng phí rất lớn các nguồn lực.

Những thành tựu đầy ấn tượng của Trung Quốc trong thời gian vừa qua cho thấy, mô hình Xô viết (hay mô hình nhà nước đảng) vẫn hoàn toàn có thể mang lại sự phát triển kinh tế vượt bậc. Vấn đề là về mặt chính trị Trung Quốc thiết kế toàn bộ hệ thống nhà nước nhất quán theo hệ chuẩn Xô viết, chứ không

theo lưỡng chuẩn như ở ta. Điều dễ nhận thấy là cơ quan thực hiện chức năng thể chế hóa (Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc) mỗi năm chỉ họp 5-7 ngày chứ không kéo dài nhiều tháng như Quốc hội nước ta hiện nay.

Như vậy, khi thiết kế hệ thống nhà nước, điều quan trọng là phải lựa chọn hệ chuẩn cho phù hợp. Khi hệ chuẩn đã được lựa chọn thì phải thiết kế toàn bộ hệ thống theo hệ chuẩn đó.

Vậy, chúng ta có nên thiết kế trở lại toàn bộ hệ thống Nhà nước theo hệ chuẩn Xô viết hay không? Đây là một câu hỏi mang tính chính trị rất cao. Câu trả lời chỉ có thể như sau: nếu đa số Ban Chấp hành Trung ương ủng hộ thì đây là vẫn có thể là phương án được lựa chọn để thiết kế hệ thống tổ chức Nhà nước.

Tuy nhiên, nếu mô hình theo hệ chuẩn Xô viết vẫn có thể bảo đảm sự phát triển vượt bậc về kinh tế, thì có vẻ điều tương tự là khó nói được về sự phát triển về xã hội và môi trường. Đó là lý do cho thấy, lựa chọn hệ chuẩn pháp quyền hiện đại có thể bảo đảm một sự phát triển toàn diện và bền vững hơn cho đất nước.

2. Nhất thể hóa

Xét về mặt kỹ trị, khi thiết kế hệ thống tổ chức nhà nước theo chuẩn mực pháp quyền, thì quan trọng nhất là nhất thể hóa giữa Đảng và Nhà nước. Đây là cải cách vừa giúp chúng ta tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, vừa giúp khắc phục được những hạn chế rất lớn của mô hình quản trị quốc gia theo khuôn mẫu Xô viết. Theo đó, Đảng đảm nhiệm rất nhiều chức năng của Nhà nước nhưng lại đứng ngoài Nhà nước.

Trên thế giới, các nước theo mô hình Xô viết còn lại không nhiều. Ở những nước này, theo nhu cầu tự nhiên, việc nhất thể hóa giữa đảng và nhà nước đều đã được thực hiện ở những mức độ khác nhau. Ở Trung quốc, người đứng đầu Đảng và người đứng đầu Nhà nước là một. Ở Lào, người đứng đầu Đảng và người đứng đầu Nhà nước cũng là một. Ở Cuba, trong một thời gian dài mức độ nhất thể hóa còn cao hơn nữa - người đứng đầu Đảng, người đứng đầu Nhà nước và đứng đầu Chính phủ chỉ là một. Như vậy, Việt Nam là nước duy nhất trên thế giới trong một thời gian rất dài người đứng đầu Đảng và người

đứng đầu Nhà nước là hai nhà lãnh đạo khác nhau. Thật ra, ở Việt Nam, việc nhất thể hóa giữa người đứng đầu Đảng và người đứng đầu Nhà nước cũng đã từng được thực hiện dưới thời của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, kể từ sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh mất năm 1969, gần 50 năm sau, việc nhất thể hóa giữa người đứng đầu Đảng và người đứng đầu Nhà nước mới được thực hiện trở lại. Năm 2018, lần đầu tiên sau gần 50 năm, Tổng Bí thư của Đảng được bầu làm Chủ tịch nước. Công bằng mà nói, những cố gắng để nhất thể hóa ở Việt Nam đã được triển khai rộng rãi hơn, nhưng ở những cấp thấp hơn. Cụ thể, người đứng đầu Đảng có thể kiêm chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc kiêm chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân ở các cấp chính quyền địa phương. Trong các doanh nghiệp nhà nước, các cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ, việc nhất thể hóa được triển khai triệt để hơn. Ở những nơi này, về cơ bản, người đứng đầu Đảng thường đồng thời cũng là người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp.

Vấn đề đặt ra là một người nắm giữ cả chức vụ Đảng và cả chức vụ chính

quyền nên được coi là sự kiêm nhiệm hay là sự nhất thể hóa? Có vẻ như hiểu cho đúng thì đó mới chỉ là một sự kiêm nhiệm mà thôi. Nhất thể hóa phải được hiểu là việc Đảng hóa thân vào Nhà nước, chứ không phải là việc Đảng kiêm nhiệm các chức danh của Nhà nước. Khi Đảng hóa thân vào Nhà nước thì quy trình chính sách chỉ còn diễn ra ở một nơi, khi Đảng kiêm nhiệm các chức danh Nhà nước thì quy trình chính sách vẫn diễn ra ở cả hai nơi - vừa diễn ra ở bên Đảng, vừa diễn ra ở bên Nhà nước. Điều này giải thích những hạn chế rất lớn của mô hình Xô viết. (Các nhà nghiên cứu còn gọi là mô hình nhà nước đảng).

Hạn chế thứ nhất là quy trình chính sách rất phức tạp và kéo dài. Một quyết sách có thể phải trình ra các cấp của Đảng trước rồi lại phải trình ra các cơ quan Nhà nước. Khi có nhiều ý kiến khác nhau, quy trình lại phải lặp đi, lặp lại. Điều này không chỉ làm cho các phản ứng chính sách bị chậm trễ (Có khi bị chậm gấp đôi so với các nước khác) mà chi phí ban hành quyết định cũng bị đẩy lên cao, đặc biệt là chi phí cơ hội.

Hạn chế thứ hai là việc xác lập chế độ trách nhiệm thường rất khó khăn. Một chính sách được quyết định ở cả hai nơi thì nơi nào sẽ phải chịu trách nhiệm?

Hạn chế thứ ba là các nguồn lực, đặc biệt là nguồn nhân lực bị phân bổ trùng lặp. Điều này xảy ra do quy trình chính sách được tiến hành ở cả bên Đảng và cả bên Nhà nước. Nhu cầu về nghiên cứu, về phân tích chính sách... vì vậy cũng tương tự như nhau ở cả hai bên. Đó là chưa nói tới những nhu cầu như nhau cho cả hai bên về bộ máy phục vụ, về trang thiết bị và những cơ sở vật chất - kỹ thuật khác. Trong khi đó, việc sử dụng người tài một cách tập trung, hiệu quả lại gặp khó khăn, vì họ thường bị phân bổ phân tán cho cả hai bên.

Hạn chế thứ tư là việc bảo đảm sự chính danh nhiều khi gặp khó khăn. Nếu Đảng hóa thân vào Nhà nước thì hạn chế này sẽ được khắc phục dễ dàng, vì Nhà nước được hình thành trên cơ sở ủy quyền của nhân dân thông qua bầu cử.

Cuối cùng, nhất thể hóa giữa Đảng và Nhà nước không chỉ giúp chúng ta khắc phục những hạn chế

nói trên của mô hình Xô viết, mà còn bảo đảm rằng sự xung đột giữa Đảng và Nhà nước sẽ không bao giờ có thể xảy ra.

3. Phân tích để lựa chọn mô hình

Nếu nhất thể hóa là việc Đảng hóa thân vào Nhà nước, thì lựa chọn mô hình để nhất thể hóa là điều đầu tiên quan trọng nhất chúng ta phải làm. Bởi, nếu chúng ta lựa chọn mô hình thủ tướng chế thì người đứng đầu Đảng sẽ phải làm thủ tướng như ở Anh, ở Nhật... Nếu chúng ta lựa chọn mô hình tổng thống chế thì người đứng đầu Đảng phải làm tổng thống như ở Mỹ, ở In-đô-nê-xia...

Mô hình thủ tướng chế còn được gọi là mô hình đại nghị, gồm cộng hòa đại nghị và quân chủ đại nghị (quân chủ ở đây là quân chủ lập hiến). Nhiều người còn gọi mô hình này là mô hình Westminster theo tên của địa điểm nơi Chính phủ và Nghị viện Anh đặt trụ sở. Trong mô hình đại nghị, đảng nào thắng cử và có đa số trong quốc hội, thì đảng đó đứng ra thành lập chính phủ. Nghĩa là, đảng thắng cử vừa nắm cả quyền lập pháp và cả quyền hành pháp ở trong tay. Chính vì vậy, không có sự phân

lập hay kiểm soát lẫn nhau rõ ràng giữa quyền hành pháp và quyền lập pháp trong trường hợp này. Thực tế, trong mô hình này, quyền lập pháp và quyền hành pháp hòa lẫn (fusion) vào nhau. Đây là mô hình rất cần được quan tâm xem xét khi tiến hành nhất thể hóa vì các lý do sau đây.

Một là, mô hình đại nghị đã mang lại sự thịnh vượng và phát triển cho nhiều nước nhất trên thế giới. Ví dụ như: Anh, Úc, Canada, New Zealand, Đức, Thụy Điển, Đan Mạch, Nhật Bản, Xinh-ga-po... (Nhiều nước còn gọi đây là mô hình dân chủ đại nghị).

Hai là, cách thức tổ chức hệ thống của chúng ta đang có khá nhiều điểm tương đồng với mô hình này. Một số điểm tương đồng đó là: Đảng có đa số trong Quốc hội nên Đảng lựa chọn nhân sự cho Chính phủ và thực chất là thành lập Chính phủ; Đảng nắm cả quyền lập pháp và quyền hành pháp; Chính phủ hình thành trên cơ sở Quốc hội và chịu trách nhiệm trước Quốc hội...

Mô hình tổng thống chế còn được gọi là mô hình cộng hòa tổng thống. Trong mô hình này, chính phủ không

hình thành trên cơ sở của quốc hội và không chịu trách nhiệm trước quốc hội. Người dân bầu trực tiếp ra tổng thống và trao quyền hành pháp cho tổng thống. Người dân cũng trực tiếp bầu ra quốc hội và trao quyền lập pháp cho quốc hội. Nhiều người gọi đây là mô hình phân quyền cứng vì không có sự hòa lẫn giữa quyền lập pháp và quyền hành pháp. Tuy nhiên, cũng cần chú ý là trong mô hình này nguyên tắc cơ bản vẫn không hoàn toàn là tam quyền phân lập, mà là cân bằng và kiểm soát lẫn nhau giữa các quyền. Ví dụ quốc hội thông qua luật, tổng thống có quyền phủ quyết luật, tòa án có quyền phán xử về tính hợp hiến của luật. Mô hình cộng hòa tổng thống chỉ nên coi là một mô hình nêu ra để tham khảo. Lý do vì ngoài nước Mỹ, mô hình này gần như đã không đưa lại được sự thịnh vượng và phát triển vượt bậc cho bất kỳ một nước nào khác.

Sự kết hợp giữ mô hình đại nghị và mô hình tổng thống đã cho ra đời một mô hình thiết kế hệ thống thứ ba được nhiều nước trên thế giới áp dụng. Đó là mô hình tổng thống lưỡng tính. Đặc điểm nổi bật của mô hình này là

chính phủ vừa có cả tổng thống và vừa có cả thủ tướng. Quyền hành pháp được phân chia cho hai yếu nhân nói trên theo những tỷ lệ khác nhau, tùy vào mỗi nước. Tuy nhiên, quyền hoạch định những chính sách lớn và quyền về quốc phòng, an ninh, ngoại giao thường thuộc về tổng thống. Trong mô hình này, tổng thống thường có vị thế độc lập với quốc hội, nhưng thủ tướng và nội các của thủ tướng lại phải chịu trách nhiệm trước quốc hội. Đây là mô hình mà Liên bang Nga và đa số các nước cộng hòa xô viết trước đây đã lựa chọn trong quá trình chuyển đổi. Đối với chúng ta, đây cũng là mô hình rất cần tham khảo vì những lý do sau đây:

Một là, đây là mô hình duy nhất mà lịch sử hiện đại của thế giới đã ghi nhận đã đưa Hàn Quốc và Đài Loan từ thế giới thứ ba lên thế giới thứ nhất. Không có một mô hình thể chế nào khác nữa làm được điều này, ngoại trừ trường hợp mô hình đại nghị đối với Xinh-ga-po. Tuy nhiên, Xinh-ga-po thực chất là một thành phố vì quốc gia này rất nhỏ bé.

Hai là, thực chất chúng ta đã từng có mô hình tổng thống lưỡng tính

theo Hiến pháp năm 1946. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thời điểm đó, Việt Nam đã từng có Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ đều nắm quyền hành pháp.

Như vậy, thực chất là có hai mô hình chúng ta có thể lựa chọn để nhất thể hóa giữa Đảng và Nhà nước. Đó là mô hình đại nghị và mô hình tổng thống lưỡng tính. Vấn đề là trong hai mô hình đó mô hình nào sẽ phù hợp nhất cho chúng ta. Lựa chọn cuối cùng phụ thuộc vào ban lãnh đạo của đất nước. Chẳng ai trên thế giới này có thể lựa chọn thay cho chúng ta được.

4. Nhất thể hóa theo mô hình đại nghị

Nhất thể hóa là việc Đảng hóa thân vào Nhà nước, chứ không phải việc Đảng kiêm nhiệm các chức danh của Nhà nước. Thời gian vừa qua, tranh luận chủ yếu xoay quanh việc bí thư nên kiêm chức chủ tịch Ủy ban Nhân dân (UBND) hay chức chủ tịch Hội đồng Nhân dân (HĐND). Trên thực tế, ở những cấp chính quyền thấp hơn thì bí thư thường kiêm chức chủ tịch UBND, còn ở những cấp cao hơn thì bí thư thường kiêm chức chủ tịch HĐND.

Tuy nhiên, kiêm chức gì thì vẫn chỉ là kiêm nhiệm, chứ không phải là hóa thân. Sự kiêm nhiệm chỉ làm cho công việc của những người nắm giữ cương vị chủ chốt tăng lên gấp đôi, mà mọi quy trình công việc thì vẫn không hề thay đổi. Việc kiêm nhiệm vì vậy ít bổ sung giá trị gia tăng cho quy trình quản trị địa phương. Ngược lại, sự quá tải còn có thể làm giảm chất lượng của quy trình này.

Thật ra, ngoại trừ mô hình Xô viết, trong tất cả các mô hình thể chế khác, bao gồm cả mô hình đại nghị và mô hình tổng thống lưỡng tính mà chúng ta nên xem xét để lựa chọn, ban lãnh đạo của đảng cầm quyền bao giờ cũng đều hóa thân vào nhà nước.

Nếu chúng ta lựa chọn mô hình đại nghị để nhất thể hóa thì sự hóa thân của Đảng có thể được tiến hành đại loại như như sau.

Trước hết, Đại hội Đảng được tổ chức để làm ba việc: 1. Thông qua chương trình hành động của Đảng cho năm năm tới; 2. Bầu người đứng đầu Đảng; 3. Bầu các ứng cử viên của Đảng tham gia tranh cử vào Quốc hội. Đối với các nước có đa đảng thì chương trình hành động của đảng có thể được

gọi luôn là chương trình tranh cử của đảng. Đối với những nước chỉ có một đảng như nước ta, chương trình này nên gọi là chương trình vận động bầu cử sẽ chính xác hơn. Kiểu gì thì cũng phải vận động cử tri bầu cho các ứng cử viên của Đảng trên cơ sở những định hướng chính sách được đưa ra trong chương trình. Người đứng đầu Đảng cũng chính là người lãnh đạo và dẫn dắt chiến dịch vận động bầu cử của Đảng. Nếu cử tri bầu cho các ứng cử viên của Đảng chiếm đa số trong Quốc hội, thì điều này cũng có nghĩa là cử tri đã phê chuẩn chương trình hành động của Đảng và trao quyền thành lập chính phủ cho Đảng (để triển khai thực hiện chương trình hành động đã được phê chuẩn).

Sau bầu cử, những ứng cử viên trúng cử sẽ hợp thành ban lãnh đạo của Đảng. (Những ứng cử viên không trúng cử thì vẫn chỉ là những đảng viên thường). Ban lãnh đạo này ở các nước được gọi là đảng đoàn (party caucus). Ở ta cũng có thể gọi là đảng đoàn. Tuy nhiên, đảng đoàn phải bao gồm tất cả những đảng viên đã trúng cử chứ không chỉ là mười mấy người trong Ủy ban thường vụ Quốc hội

như hiện nay. Đảng đoàn chính là cơ quan thực hiện chức năng quyết định chính sách của Ban Chấp hành Trung ương hiện nay.

Đảng đoàn đến lượt, lại bầu chọn ra nhân sự cho nội các và các chức danh Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội... Nội các sẽ do người đứng đầu Đảng làm Thủ tướng. Nội các chính là cơ quan thực hiện chức năng hoạch định chính sách của Bộ Chính trị hiện nay. Nếu hiện nay Bộ Chính trị dự thảo các chính sách trình ra Ban Chấp hành Trung ương, đến khi nhất thể hóa, nội các sẽ dự thảo chính sách trình ra đảng đoàn.

Với cách thiết kế như vậy, ở cấp Trung ương, Đảng đã hoàn toàn hóa thân vào Nhà nước. Tất cả quy trình chính sách diễn ra trong Đảng, cũng chính là diễn ra trong Nhà nước. Một nửa thời gian, công sức của quy trình ban hành chính sách đã được cắt giảm. Cụ thể, quy trình chính sách chỉ còn như sau: nội các dự thảo chính sách trình ra đảng đoàn. Đảng đoàn phê chuẩn chính sách, nội các trình ra Quốc hội. Mọi chính sách đã được đảng đoàn phê chuẩn chắc chắn sẽ được Quốc hội thông qua, vì

đảng đoàn luôn luôn có đa số áp đảo trong Quốc hội.

Với cách nhất thể hóa như vậy, các nhà lãnh đạo cao cấp của đất nước sẽ không còn phải làm một việc lặp đi, lặp lại ở ba bốn nơi như hiện nay. Đồng thời, nguyên tắc tập trung dân chủ cũng được bảo đảm hơn. Bởi vì, rủi ro của việc Ban Chấp hành Trung ương đã thông qua chính sách, nhưng các đảng viên ở trong Quốc hội chưa được bàn bạc, thảo luận sẽ được loại trừ. Hơn nữa, tính chính danh của toàn bộ quy trình sẽ được bảo đảm 100%.

Điều có thể khiến nhiều người băn khoăn: với cách nhất thể hóa như trên, quyền lực của Đảng sẽ trở nên quá lớn. Quả đúng là như vậy. Trong mô hình đại nghị, nếu đảng cầm quyền có đa số áp đảo trong quốc hội, thì quyền lực của đảng sẽ rất lớn. Phe đối lập vẫn có thể tranh luận, phản biện các dự thảo chính sách của đảng cầm quyền. Tuy nhiên, nếu đảng cầm quyền kiên quyết giữ quan điểm của mình, mọi quyết định của đảng đều sẽ được thông qua thành chính sách, pháp luật của nhà nước. Tuy nhiên, nếu phe đối lập tranh

luận, phản biện tốt, nhiều dự thảo chính sách chắc chắn sẽ được đảng cầm quyền chỉnh sửa. Nước ta không có phe đối lập, nhưng các đại biểu ngoài đảng có thể đảm nhận vai trò phản biện nói trên. Vấn đề là chúng ta cần bảo đảm một tỷ lệ thích hợp các đại biểu quốc hội là người ngoài đảng. Đồng thời, phải vận động những người ngoài đảng tài giỏi, liêm chính ứng cử vào Quốc hội.

Trên đây là những nét sơ lược nhất của việc vận hành nhất thể hóa theo mô hình đại nghị. Tất nhiên, nếu mô hình này được lựa chọn, một loạt các vấn đề có liên quan khác cũng sẽ cần được xử lý. Đó là những vấn đề như công tác đảng vụ sẽ được duy trì như thế nào? Vai trò của các đảng viên không được lựa chọn để hóa thân vào nhà nước sẽ là gì? Mối quan hệ giữa các đảng viên đã hóa thân vào nhà nước với các đảng viên khác của Đảng sẽ như thế nào?... Đây là những vấn đề mang tính kỹ thuật và kinh nghiệm của thế giới để chúng ta tham khảo. Cuối cùng, cần nhấn mạnh là: việc nhất thể hóa giữa Đảng và Nhà nước theo mô hình đại nghị hoàn toàn có thể

triển khai được trong khuôn khổ của Hiến pháp năm 2013.

5. Nhất thể hóa theo mô hình tổng thống lưỡng tính

Nhất thể hóa theo mô hình tổng thống lưỡng tính về cơ bản giống như nhất thể hóa theo mô hình đại nghị. Điểm khác cơ bản nhất là Đại hội Đảng không bầu ra người đứng đầu Đảng để dẫn dắt cuộc bầu cử vào Quốc hội, mà bầu ra người đứng đầu Đảng để ứng cử vào chức danh Tổng thống (hay theo truyền thống của nước ta, gọi là chức danh Chủ tịch nước cũng được). Ứng cử viên được lựa chọn thông thường phải là người đã chủ trì trong việc hoạch định đường lối của Đảng cho nhiệm kỳ 5 năm tới và sẽ là người căn cứ vào đường lối đó mà vận động bầu cử cho mình.

Tổng thống trong mô hình tổng thống lưỡng tính do toàn dân bầu ra nên độc lập với Quốc hội và không chịu trách nhiệm trước Quốc hội. Với một chế định mang tính chất như vậy, nếu chúng ta lựa chọn mô hình này để nhất thể hóa, thì việc sửa đổi Hiến pháp là một nhu cầu bắt buộc. Ngoài ra, việc sửa đổi Hiến

pháp còn rất cần thiết để bổ sung thêm quyền lực hành pháp cho Tổng thống, vì trong mô hình tổng thống lưỡng tính, quyền hành pháp nằm phần lớn trong tay Tổng thống.

Điểm đặc trưng nhất của mô hình tổng thống lưỡng tính là ngoài Tổng thống nắm quyền hành pháp ra, còn có một yếu nhân khác cũng nắm quyền hành pháp nữa là Thủ tướng. Phân chia quyền lực giữa Tổng thống và Thủ tướng là một nhu cầu tất yếu của mô hình này. Thực tiễn trên thế giới cho thấy, không có khuôn mẫu cố định nào cho việc phân chia quyền lực giữa hai yếu nhân nói trên. Ở những nước khác nhau, việc phân chia quyền lực rất khác nhau. Nhưng về cơ bản, quyền lực trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, ngoại giao và những chính sách kinh tế lớn thường thuộc về Tổng thống. Việc điều hành nền kinh tế hàng ngày thường thuộc về Thủ tướng. Thủ tướng đồng thời cũng là người đứng đầu Nội các và điều hành công việc hàng ngày của Nội các.

Nếu Tổng thống do dân bầu trực tiếp, thì Thủ tướng sẽ được lựa chọn trong số các vị đại biểu Quốc hội. Quyền lựa chọn Thủ tướng để trình

ra Quốc hội phê chuẩn thuộc về Tổng thống. Tuy nhiên, trong mô hình đa đảng, nhiều khi Tổng thống phải lựa chọn người của đảng đối lập nhưng có đa số trong Quốc hội để giới thiệu làm Thủ tướng. Lý do là, nếu đảng của Tổng thống không có đa số ở trong Quốc hội, thì có giới thiệu người của đảng mình cũng vô ích. Một ứng cử viên Thủ tướng như vậy chắc chắn sẽ không được Quốc hội phê chuẩn. Trong trường hợp này, việc triển khai chính sách của Tổng thống sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

Ở nước ta, với mô hình một đảng cầm quyền, Tổng thống có thể trao đổi thống nhất ý kiến với Đảng đoàn Quốc hội trước khi giới thiệu ứng cử viên giữ chức danh Thủ tướng. Khác với Tổng thống, Thủ tướng trong mô hình tổng thống lưỡng tính sẽ phải tương tác thường xuyên với Quốc hội, giải trình chính sách với Quốc hội và bị Quốc hội giám sát.

Trong mô hình tổng thống lưỡng tính, ban lãnh đạo của Đảng sẽ gồm Tổng thống, Thủ tướng, các thành viên nội các và các thành viên đảng đoàn Quốc hội (tất cả các đảng viên trúng cử làm đại biểu Quốc hội). Nếu

trong mô hình đại nghị, nhà lãnh đạo đứng đầu Đảng là Thủ tướng, thì trong mô hình tổng thống lưỡng tính, nhà lãnh đạo đứng đầu Đảng là Tổng thống. Quy trình chính sách trong nội bộ Đảng sẽ được triển khai giữa Tổng thống, Nội các và Đảng đoàn. Khi đã có được sự nhất trí của ban lãnh đạo Đảng, Tổng thống có thể trực tiếp ban hành chính sách qua sắc lệnh hoặc Thủ tướng có thể trình chính sách ra Quốc hội thông qua thành luật. Với quy trình này, việc hoạch định chính sách trong Đảng và trong Nhà nước vẫn gắn kết chặt chẽ với nhau và không lặp lại nhau.

Cũng phải thừa nhận một thực tế là trong thế giới hiện đại, ở rất nhiều nước, khi một đảng đã lựa chọn người đứng đầu của mình làm ứng cử viên tổng thống, thì cũng đồng thời cũng ủy quyền hoàn toàn cho người đó triển khai các chính sách của đảng. Việc phê chuẩn đường lối, chính sách chỉ đơn giản như sau: đảng lựa chọn ứng cử viên nào thì đồng thời phê chuẩn luôn chương trình tranh cử trong đảng của ứng cử viên đó. Điều này đúng không chỉ cho ứng cử viên vào chức danh tổng

thống, mà còn đúng cả cho các ứng cử viên vào chức danh đại biểu Quốc hội. Việc nhiều nhất đảng có thể làm sau khi các ứng cử viên của mình trúng cử chỉ là cung cấp sự hỗ trợ về tư vấn chính sách cho những người này, chứ không quyết định chính sách trước và áp đặt cho họ. Đây là mô thức chúng ta cũng hoàn toàn có thể tiếp thu cho việc nhất thể hóa theo mô hình tổng thống lưỡng tính và kể cả mô hình đại nghị.

Bằng việc lựa chọn mô hình và nhất thể hóa giữa Đảng và Nhà nước, chúng ta đã thiết kế được các cơ quan nắm giữ quyền lập pháp và hành pháp của đất nước. Đây là nội dung trọng tâm của bài viết này.

Các phần cấu thành khác của hệ tổ chức nhà nước sẽ bao gồm:

- (1) Hệ thống các cơ quan tư pháp độc lập.
- (2) Hệ thống hành - chính công vụ chuyên nghiệp và độc lập tương đối.
- (3) Hệ thống tổ chức chính quyền địa phương được phân quyền và tự quản.

Tuy nhiên, đây là chủ đề lớn, trong khuôn khổ một bài viết khó lòng đề cập chi tiết và chuyên sâu được ■



ĐỔI MỚI VÀ HOÀN THIÊN MÔ HÌNH TỔ CHỨC HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở QUẢNG NINH THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 6 KHÓA XII

● NGUYỄN XUÂN KÝ

Bí thư Tỉnh ủy,

Chủ tịch HĐND tỉnh Quảng Ninh

I. NHẬN THỨC VỀ ĐỔI MỚI VÀ HOÀN THIÊN MÔ HÌNH TỔ CHỨC HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

1. Đổi mới tổ chức bộ máy hệ thống chính trị là một điều kiện hàng đầu, bảo đảm cho việc nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Đó cũng chính là điều kiện để có thể xây dựng, hoàn thiện và thực thi hệ thống thể chế, nhằm giữ vững ổn định chính trị - xã hội, khai thác và phát huy những tiềm năng, lợi thế, các nguồn lực trong xã

hội, thúc đẩy sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước.

Những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành, lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiều chủ trương, nghị quyết, kết luận rất quan trọng về xây dựng, đổi mới hệ thống tổ chức của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập từ Trung ương đến địa phương với mục tiêu từng bước sắp xếp, kiện toàn theo hướng tinh gọn, hiệu quả, hiệu lực hơn; chức năng, nhiệm vụ,

quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của các tổ chức trong hệ thống chính trị được phân định, điều chỉnh hợp lý hơn; bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, góp phần quan trọng vào công cuộc đổi mới đất nước.

Ở cấp độ địa phương, nhận diện đúng thực trạng của hệ thống chính trị, ngay từ những giai đoạn trước, tỉnh Quảng Ninh đã luôn chú trọng việc cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Trung ương về đổi mới hệ thống chính trị bằng các nghị quyết chuyên đề, kế hoạch, chương trình, hệ thống quy chế, quy định, quy trình thực hiện theo từng nội dung cụ thể; đề ra các chủ đề công tác năm; xây dựng và nhiều lần sửa đổi quy chế, quy định nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, nhưng không thật sự mang tính tổng thể, không rà soát và đánh giá một cách toàn diện, chưa phát huy được nội lực của từng cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên. Với nhận thức đó, tỉnh Quảng Ninh

quyết tâm thực hiện đổi mới tổ chức bộ máy theo hướng sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi mô hình, tăng cường tự chủ nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực của hệ thống chính trị của tỉnh góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế.

2. Mặt khác, được ví như “một Việt Nam thu nhỏ”, Quảng Ninh có vị trí địa chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; là địa phương duy nhất trong cả nước vừa có đường biên giới trên bộ và trên biển với nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Tỉnh có diện tích đất liền 6.102km², trên 6.000km² mặt biển, đường bờ biển dài trên 250km, với 2.077 hòn đảo đá, đất; điều kiện tự nhiên phong phú đa dạng. Quảng Ninh có 14 đơn vị hành chính cấp huyện (4 thành phố, 2 thị xã, và 8 huyện; tỷ lệ đô thị hóa 65%); 186 xã, phường, thị trấn (111 xã, 67 phường, 8 thị trấn); 1.565 thôn, bản, khu phố. Dân số toàn tỉnh có trên 1,3 triệu người, với 22 dân tộc (các dân tộc thiểu số chiếm trên 11%). Tính đến ngày 30/6/2019, toàn Đảng bộ tỉnh có 99.950 đảng viên, 21 đảng bộ trực

thuộc tỉnh, 789 tổ chức cơ sở đảng (463 đảng bộ cơ sở, 326 chi bộ cơ sở) với 5.081 chi bộ trực thuộc.

Qua thực tiễn phát triển, tỉnh đã phát hiện, nhận thức sâu sắc ba mâu thuẫn, bốn thách thức. **Ba mâu thuẫn:** (1) Giữa giải phóng tiềm năng thế mạnh và không gian phát triển rộng lớn với cơ chế chính sách còn hạn hẹp; (2) Giữa khai thác than, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, phát triển công nghiệp nặng với phát triển du lịch, dịch vụ trên cùng một địa bàn; (3) Giữa đổi mới hệ thống chính trị chưa tương xứng phù hợp với đổi mới kinh tế và tình hình thực tiễn đang diễn ra. **Bốn thách thức:** (1) Thách thức giữa vừa phát triển kinh tế vừa góp phần đảm bảo độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, ổn định và hòa bình khu vực biên giới; (2) Giữa phát triển bền vững trước những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và nước biển dâng cao; (3) Giữa phát triển công nghiệp hóa, đô thị hóa nhanh với bảo vệ môi trường và bảo vệ Di sản vịnh Hạ Long; (4) Giữa tăng trưởng nhanh đi đôi với đảm bảo an sinh xã hội, thu hẹp

khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng miền trên địa bàn tỉnh trong điều kiện tỉnh có 111 xã nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, trong đó, có 22 xã và 54 thôn thuộc diện đặc biệt khó khăn.

Trên cơ sở nhận diện, định vị những điểm mạnh, tiềm năng, lợi thế, thấy rõ cơ hội, khó khăn, thách thức; Quảng Ninh đã xác định rõ hơn mục tiêu và triết lý phát triển. (1) **Mục tiêu:** Đến năm 2020 xây dựng, phát triển Quảng Ninh trở thành tỉnh có cơ cấu dịch vụ, công nghiệp hiện đại, trung tâm du lịch quốc tế, một trong những đầu tàu kinh tế của cả nước; dẫn đầu cả nước về ứng dụng công nghệ thông tin vào năm 2025. (2) **Triết lý phát triển:** Tích cực chuyển đổi phương thức phát triển theo hướng bền vững dựa vào 3 trụ cột: Thiên nhiên, con người, văn hóa kết hợp với xu thế hòa bình, hợp tác, hội nhập và cơ hội của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; trên cơ sở đó đổi mới hệ thống chính trị và xây dựng nền hành chính hiện đại; bảo đảm phát triển bền vững dựa vào lợi thế về dịch vụ, du lịch, văn hóa, công nghiệp giải trí, đổi mới sáng tạo.

Những đặc điểm trên vừa là tiền đề, điều kiện, vừa đặt ra những yêu cầu, đòi hỏi cho việc xây dựng, đổi mới, hoàn thiện bộ máy hệ thống chính trị của tỉnh.

II. THỰC TRẠNG MÔ HÌNH TỔ CHỨC CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TỈNH QUẢNG NINH VÀ QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI

1. Tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị tỉnh Quảng Ninh cơ bản được sắp xếp, kiện toàn theo đúng các quy định của Trung ương: bao gồm các khối đảng và đoàn thể, khối chính quyền, cùng với hệ thống các đơn vị sự nghiệp. Trong quá trình xây dựng và phát triển, Quảng Ninh đã nhận thấy những mâu thuẫn trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển và thực tế tại địa phương; trong đó, có mâu thuẫn giữa đổi mới hệ thống chính trị chưa tương xứng với đổi mới kinh tế.

Do đó, trước khi có Nghị quyết 18-NQ/TW, 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII; trên cơ sở bám sát các nghị quyết, kết luận của Trung ương về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, tỉnh Quảng Ninh đã chủ động tìm tòi hướng đi, cách làm, nghiêm túc

rà soát trong toàn hệ thống chính trị về tổ chức bộ máy, biên chế, phát hiện thấy nhiều yếu kém, bất cập cần phải mạnh dạn đổi mới:

- Bộ máy công kênh, chức năng nhiệm vụ trùng chéo: (1) có chức năng được giao cho nhiều cơ quan, đơn vị cùng thực hiện nhưng không quy trách nhiệm giải quyết đến cùng, thẩm quyền không gắn với nghĩa vụ và chế độ trách nhiệm (Cùng một ngành nhưng vừa có phòng chuyên môn, vừa có chi cục quản lý cùng tên, cùng chức năng; trên cùng địa bàn có nhiều đơn vị thực hiện một nhiệm vụ). (2) Giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị có nhiều chức năng, nhiệm vụ tương đồng có thể bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau nhưng thiếu cơ chế đảm bảo tính thống nhất có thể làm nảy sinh tình trạng buông lỏng, bỏ sót hoặc phát sinh khâu trung gian (cơ quan tổ chức của cấp ủy với cơ quan nội vụ của chính quyền; cơ quan Ủy ban Kiểm tra của Đảng với Thanh tra nhà nước...). (3) Bộ máy nội sinh phục vụ chính mình chiếm tỷ lệ cao. (4) Các đơn vị sự nghiệp quy mô nhỏ, chất lượng cung cấp dịch vụ và hiệu quả chưa cao,

tính tự chủ thấp. (5) Tổ chức hội nhiều nhưng hoạt động chưa mạnh, chưa thể hiện được rõ vị thế, vai trò; tính tự nguyện, tự quản, tự trang trải, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật còn thấp.

- Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước đông và có xu hướng càng thực hiện chính sách tinh giản thì biên chế càng tăng. Đội ngũ cán bộ không chuyên trách ở cơ sở đông do vận dụng cứng nhắc quy định chung, mang tính bình quân cào bằng mà chưa chú ý tới đặc thù về quy mô, phạm vi, địa lý, dân số của các cơ sở, dẫn đến nơi đông dân thì quá tải, nơi rất ít dân, ít việc vẫn có đủ các vị trí.

2. Xuất phát từ yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn khách quan, nhằm đảm bảo sự đồng bộ giữa đổi mới kinh tế với đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, Tỉnh ủy Quảng Ninh đã chủ động với quyết tâm chính trị cao xây dựng Đề án **“Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế”** (gọi tắt là Đề án 25).

Đề án được xây dựng hết sức công phu, bài bản; tiến hành đồng bộ từ cấp xã, cấp huyện đến cấp tỉnh; báo cáo tham vấn rất nhiều cấp lãnh đạo, ban, bộ, ngành Trung ương; có sự tham gia, góp ý trực tiếp của nhân dân, các trí thức, lão thành cách mạng, các đối tượng chịu tác động,... và thông qua Hội đồng nhân dân các cấp. Trên cơ sở đó, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 03/3/2015 “về đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế” để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện trong cả hệ thống chính trị. Có thể nói, Đề án 25 của tỉnh Quảng Ninh là một đột phá trong công tác xây dựng Đảng và xây dựng hệ thống chính trị, là sự sáng tạo, đổi mới có hiệu quả thiết thực, được cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình ủng hộ; trở thành động lực quan trọng thúc đẩy sự đổi mới, phát triển của tỉnh.

Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW càng khẳng

định bước đi của Quảng Ninh là đúng đắn, tạo thêm động lực, là cơ sở chính trị vững chắc để tỉnh có thêm quyết tâm tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đổi mới hệ thống chính trị quyết liệt hơn và ở quy mô, tầm mức cao hơn. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Chương trình hành động số 21-CTr/TW ngày 5-2-2018 để tập trung chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 6, trên cơ sở kế thừa, phát huy những kết quả đã đạt được từ việc triển khai Đề án 25 theo hướng toàn diện, đồng bộ và hiệu quả hơn với phương châm: (1)

Đã thí điểm hiệu quả thì tiếp tục nhân rộng; (2) Những mô hình mới đặt ra phải tập trung cao để lãnh đạo, chỉ đạo đạt hiệu quả thực chất trên thực tế; (3) Tiếp tục đẩy mạnh việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công theo hướng tăng cường tự chủ, nâng cao năng lực quản trị, chuyển đổi mô hình hoạt động.

III. KẾT QUẢ, HIỆU QUẢ TỪ VIỆC SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở QUẢNG NINH

Tiếp nối, nhất quán, xuyên suốt quá trình triển khai từ Đề án 25 của tỉnh



Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh _ Ảnh: IT

đến Nghị quyết Trung ương 6 với tinh thần chủ động, liên tục sau gần 5 năm triển khai đến nay Quảng Ninh đã đạt được nhiều kết quả tích cực:

Thứ nhất, việc đặt ra và triển khai thực hiện các giải pháp đã đem lại một số kết quả, hiệu quả: (1) Đã giảm 05 đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh; 195 phòng, đơn vị, đầu mối trực thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và các địa phương (cấp tỉnh: 91; cấp huyện: 104). Đổi mới về cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, giao quyền tự chủ 142 đơn vị; đồng thời nâng mức tự chủ 100% cho 85 đơn vị. Đang rà soát cấp xã, thôn, bản, khu phố không đủ tiêu chí và xây dựng lộ trình phù hợp, dự kiến sắp xếp lại, sáp nhập trong giai đoạn 2019 - 2021 là 9 xã (giảm 9 xã), 43 thôn, bản, khu phố (giảm 20 thôn, bản, khu phố). (2) Giảm 713 biên chế công chức (khối đảng, đoàn thể: 198; khối chính quyền: 515) và 1.569 người làm việc (biên chế viên chức) so với năm 2015; Thực hiện khoán biên chế cán bộ công chức cấp xã, cấp thôn, khoán quỹ hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách (từ năm 2015, toàn tỉnh không chi trả

phụ cấp thường xuyên đối với 18.919 người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở). (3) Giảm chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển (năm 2015 chi thường xuyên là 47,4%, chi đầu tư phát triển là 52,6%; đến năm 2018 chi thường xuyên là 33,4%, chi đầu tư phát triển là 66,6%). (4) *Đi đầu trong thí điểm áp dụng các mô hình mới:* (a) *Thực hiện nhất thể hóa* chức danh nhằm giảm quy trình, tăng tính thống nhất, rút ngắn khoảng cách giữa ban hành chủ trương và tổ chức thực hiện: (i1) Cấp huyện: bí thư đồng thời là chủ tịch Ủy ban nhân dân tại 3/14, bằng 21,4% (Tiên Yên, Cô Tô, Hoành Bồ); bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch Hội đồng nhân dân tại 3/14; trưởng ban (phó ban) tuyên giáo đồng thời là giám đốc Trung tâm bồi dưỡng chính trị tại 14/14. (i2) Cấp xã: bí thư đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân đạt 59,67% (111/186); bí thư đồng thời là Chủ tịch Hội đồng nhân dân đạt 12,9% (24/186). Định hướng bố trí 02 đồng chí phó bí thư cấp ủy, 01 đồng chí phó bí thư đồng thời là chủ tịch Hội đồng nhân dân, 01 đồng chí phó bí thư đồng thời là chủ tịch ủy ban

Mặt trận Tổ quốc ở những nơi đồng chí bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Căn cứ đặc điểm, tình hình và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng địa phương, chủ động sắp xếp, bố trí cán bộ để từ đầu nhiệm kỳ có 100% bí thư cấp ủy cấp huyện không là người địa phương (đến tháng 9-2019, 13/14 địa phương đã thực hiện bí thư cấp ủy không là người địa phương, còn lại huyện Ba Chẽ), 75% trở lên bí thư cấp xã không là người địa phương (đến tháng 9-2019 đã thực hiện ở 147/186 cấp xã, tỷ lệ 79,03%). (i3) Bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn, bản, khu phố từ chỗ năm 2015, tỷ lệ trưởng thôn chưa là đảng viên cao (chiếm 68,2%); bí thư chi bộ chưa kiêm trưởng thôn 21,5%; đến nay đã đạt 99,8% (1.562/1.565). (i4) Thực hiện tốt các cơ chế kiểm soát quyền lực khi thực hiện nhất thể hoá chức danh, chống lạm quyền, lạm chức... thông qua thực hiện đúng các nguyên tắc, quy chế làm việc của cấp ủy đảng và quy định của pháp luật Nhà nước; tăng cường kiểm soát quyền lực từ cấp trên, phát huy dân chủ trong tập thể cấp ủy, lãnh đạo, nhất là trong công

tác cán bộ; thực hiện công khai, minh bạch trong mọi hoạt động... b) *Hợp nhất một số cơ quan* tham mưu giúp việc của cấp ủy với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp có chức năng, nhiệm vụ tương đồng theo nguyên tắc thống nhất lãnh đạo, chỉ đạo; bổ sung thẩm quyền, tăng cường chức năng nhiệm vụ, tối ưu chính sách, chuẩn hóa ngạch bậc, kết hợp bầu cử và bổ nhiệm: Cơ quan Ủy ban Kiểm tra với thanh tra ở 14/14 và ban tổ chức với phòng nội vụ ở 14/14 đơn vị cấp huyện (giảm 28 đầu mối). Hợp nhất văn phòng cấp ủy với Văn phòng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ở 3/14 đơn vị cấp huyện bằng 21,4% (Tiên Yên, Cô Tô, Hoàn Kiếm). Hợp nhất 05 Trung tâm thuộc lĩnh vực y tế dự phòng tỉnh để thành lập Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC). Thực hiện cơ quan tham mưu giúp việc chung Khối Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội ở cấp huyện và cấp tỉnh. Triển khai thí điểm hợp nhất Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh. Chủ động xây dựng Đề án báo cáo Ban Bí thư

Trung ương Đảng cho chủ trương đồng ý tại Văn bản số 8039-CV/VPTW ngày 30-11-2018 của Văn phòng Trung ương Đảng cho phép tỉnh Quảng Ninh thành lập Trung tâm Truyền thông tỉnh trực thuộc Tỉnh ủy trên cơ sở hợp nhất các cơ quan thông tin, báo chí của tỉnh gồm: Báo Quảng Ninh, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Hạ Long (thuộc Hội Văn học nghệ thuật tỉnh), Trung tâm Thông tin tỉnh (thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh) và đi vào hoạt động từ ngày 01-01-2019. Sau 9 tháng vận hành, đã từng bước ổn định, phát huy hiệu quả hoạt động theo mô hình “Tòa soạn hội tụ” ứng dụng công nghệ thông tin, tích hợp truyền thông đa phương tiện, sản xuất sản phẩm báo chí đa loại hình với tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Chất lượng các tác phẩm báo chí, các chương trình phát thanh, truyền hình được nâng lên rõ rệt, thông tin đồng bộ, kịp thời, không còn trùng lặp về nội dung, hình ảnh chuyên nghiệp hơn bảo đảm phục vụ nhiệm vụ chính trị của tỉnh; được nhân dân đồng tình, đánh giá cao. (4) Nâng cao

được chất lượng đội ngũ, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy. (5) Thu hút được các nguồn lực xã hội đầu tư cho khu vực công; khích lệ sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh. (6) Nhân dân nhận được sự phục vụ có trách nhiệm hơn từ cán bộ, cơ quan nhà nước; bước đầu đã được thụ hưởng những dịch vụ, tiện ích tốt hơn trong lĩnh vực giáo dục, y tế.

Thứ hai, từ mô hình tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị được sắp xếp tinh gọn, phương thức lãnh đạo đã có nhiều đổi mới; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng; năng lực điều hành, quản lý của chính quyền được nâng lên rõ rệt. Nhận diện, đánh giá đúng thực tiễn; lựa chọn những vấn đề trọng tâm, trọng điểm và tập trung nguồn lực thực hiện theo hướng quyết liệt, hiệu quả, nhất là trong triển khai những chủ trương mới, khó. Dân chủ trong Đảng, trong xã hội được mở rộng, góp phần phát huy vai trò, tiềm năng, sức sáng tạo của nhân dân tham gia vào những công việc của địa phương; góp ý kiến xây dựng chính sách, pháp luật, hương ước, quy ước,

góp ý xây dựng Đảng, chính quyền, tham gia giám sát hoạt động của cán bộ, công chức, đảng viên. Niềm tin của nhân dân đối với Đảng được nâng lên từ 73,3% năm 2016 lên 79% năm 2017, năm 2018 là 85,1%.

Thứ ba, từ việc đổi mới tư duy nhận thức, định vị lại giá trị của tỉnh, nhận diện đầy đủ lợi thế, thách thức, mâu thuẫn, yếu kém, xác định đúng triết lý, phương hướng phát triển; đưa ra được một số mô hình đổi mới, có tính đột phá; cùng với sự quan tâm của Trung ương, việc quyết liệt đổi mới hệ thống chính trị, tăng cường xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, phát huy dân chủ là động lực, là nhân tố quan trọng giúp Quảng Ninh đạt được những kết quả nổi bật, nhất là trong 4 năm (2016-2019): Tăng trưởng kinh tế của tỉnh luôn duy trì ở mức cao so với bình quân chung của cả nước (giai đoạn 2016 - 2018 là 10,5%); tổng sản phẩm bình quân đầu người (GRDP) năm 2018 đạt 5.110 USD, gấp 1,3 lần so với 2015; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn luôn đứng trong nhóm đầu các tỉnh, thành phố có số thu cao nhất cả nước, thu nội địa luôn đứng

trong топ 5 tỉnh dẫn đầu toàn quốc; tổng thu giai đoạn 2016 - 2018 đạt 117.162 tỷ đồng, trong đó, thu nội địa tăng bình quân 14,5%/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng dịch vụ, năm 2015 tỷ trọng dịch vụ, công nghiệp, nông nghiệp lần lượt là 43,4%, 50,2%, 7,3% và đến năm 2018 tương ứng là 44,8%, 49,2%, 6,0%. Năng suất lao động giai đoạn 2011 - 2015 tăng 12,4%/năm, giai đoạn 2016 - 2018 tăng 12,6%/năm, dự kiến giai đoạn 2016 - 2020 tăng 11,6%/năm. Giảm dần chỉ số ICOR từ 6,58 năm 2014 xuống còn 4,23 năm 2018. Phát triển hạ tầng đồng bộ, hiện đại trọng tâm là hạ tầng giao thông, du lịch, dịch vụ; nhiều công trình trọng điểm được đưa vào hoạt động như Cầu Bạch Đằng, cao tốc Hạ Long - Hải Phòng, cao tốc Hạ Long - Vân Đồn, Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn, Cảng khách quốc tế Hạ Long đã mở ra những thời cơ và vận hội mới không chỉ cho Quảng Ninh mà cho cả đất nước. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) liên tục cải thiện thứ hạng, năm 2015 đứng thứ ba, năm 2016 đứng thứ hai; năm 2017 và

2018 dẫn đầu toàn quốc. Với quyết tâm đổi mới của cả hệ thống chính trị, tỉnh tiếp tục sắp xếp, tinh giản bộ máy, biên chế, tiết kiệm chi thường xuyên, đến năm 2018 đã dành trên 65% tổng chi ngân sách cho đầu tư phát triển, đạt mức cao nhất cả nước. Có điều kiện, nguồn lực để đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Là tỉnh đứng đầu 15 tỉnh miền núi phía Bắc về các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục. Năng lực hệ thống y tế dự phòng Quảng Ninh được xếp vào nhóm đầu cả nước, tỷ lệ bác sĩ/vận dân tăng từ 12 năm 2015 lên 14,7 năm 2018; 100% người nghèo, các đối tượng chính sách được khám chữa bệnh bằng bảo hiểm y tế; tỷ lệ bao phủ BHYT đạt trên 80% (2015), năm 2018 là 94,3% (cả nước đạt 87,5%). Tổng chi cho an sinh xã hội trong 3 năm 2016 - 2018 đạt 4.717 tỷ đồng, cao hơn giai đoạn 5 năm trước (giai đoạn 2011 - 2015 là 4.690 tỷ đồng). Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 1,55% năm 2015 xuống còn 1,2% năm 2018. Giữ vững quốc phòng - an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, quan hệ đối ngoại mở rộng. *Chín tháng đầu năm 2019, tốc*

độ tăng trưởng ước đạt 11,9% (9 tháng đầu năm 2018 đạt 10,7%); thu ngân sách nhà nước ước đạt 34.539 tỷ đồng, bằng 83% dự toán, tăng 15% so cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa ước đạt 26.039 tỷ đồng, đạt 78% dự toán, tăng 17% cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 75,4% tổng thu ngân sách; thu xuất nhập khẩu đạt 8.500 tỷ đồng, bằng 106% dự toán năm, tăng 9% cùng kỳ.

IV. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ KIẾN NGHỊ

Đổi mới hệ thống chính trị là một trong những vấn đề trọng yếu, cốt lõi trong sự nghiệp cách mạng của Đảng ta, nhất là trong giai đoạn hiện nay. Tiếp tục đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền, phát huy dân chủ hiện nay luôn là yêu cầu cấp bách. Tuy nhiên, đây cũng là những vấn đề khó, phức tạp, nhiều vấn đề lý luận và khoa học đang trong quá trình tiếp tục làm rõ. Từ thực tiễn tỉnh Quảng Ninh và yêu cầu đổi mới hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đất nước trong giai đoạn hiện nay; trong quá trình “vận hành” hệ thống chính trị vẫn có một số vấn đề mà với cơ chế chung và thẩm quyền

của Tỉnh không dễ khắc phục, một số vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra cần được giải quyết, tháo gỡ ở tầm vĩ mô, đòi hỏi phải có chủ trương và quyết tâm từ Trung ương.

Một là, tiếp tục phân định rõ và giải quyết phù hợp mối quan hệ giữa “cầm quyền” và “lãnh đạo” của Đảng; cụ thể hóa triệt để thực hiện việc lãnh đạo bằng Nhà nước và thông qua Nhà nước, từ đó mạnh dạn tinh giản, khắc phục tình trạng công kênh về tổ chức bộ máy, trùng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa bộ máy giúp việc của Đảng và chính quyền, đảm bảo đồng bộ từ trên xuống dưới.

Hai là, xây dựng lộ trình để bổ sung các quy định pháp luật có liên quan, Điều lệ Đảng và các quy định của Đảng về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ để thực hiện hợp nhất cơ quan giữa cơ quan tham mưu của cấp ủy và cơ quan tham mưu của chính quyền (Cơ quan Ủy ban Kiểm tra - Thanh tra; Tổ chức - Nội vụ) để bảo đảm đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ba là, tiếp tục cụ thể hóa nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo xây

dựng, quản lý tổ chức bộ máy và biên chế thống nhất của toàn hệ thống chính trị (việc phân cấp quản lý về tổ chức, biên chế chưa phù hợp, nhiều đầu mối, thiếu thống nhất, có nhiều loại công chức (công chức cấp huyện, công chức cấp xã, công chức khối Đảng, công chức khối Đoàn thể).

Bốn là, hướng dẫn việc áp dụng mô hình quản trị đối với các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư như mô hình quản trị doanh nghiệp; thí điểm việc thi tuyển và thực hiện thuê giám đốc điều hành tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

Năm là, việc sắp xếp lại các đơn vị hành chính hiện chỉ mới tiếp cận dưới góc độ nhằm đảm bảo các tiêu chí nhất định (nhập vào cho đủ quy mô tối thiểu), chưa đề cập dưới quan điểm phát triển. Theo đó, bên cạnh các tiêu chí tối thiểu để tồn tại, cần có hệ tiêu chí khoa học khác để tạo cơ chế cho các đơn vị hành chính nhất là cấp huyện vốn đã phát triển ở mức cao có thể tiếp tục sáp nhập với nhau nhằm khai thác lợi thế tương hỗ, hình thành những hạt nhân đô thị mạnh, tạo đột phá cho cả vùng ■

THỰC TIỄN ĐỔI MỚI VÀ HOÀN THIỆN MÔ HÌNH TỔ CHỨC HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở HÀ TĨNH THEO NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 6 KHÓA XII

● LÊ ĐÌNH SƠN

*Ủy viên Trung ương Đảng,
Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Hà Tĩnh*

1. Về nhận thức đổi mới và hoàn thiện mô hình tổ chức hệ thống chính trị

Trong những nhiệm kỳ qua, đặc biệt là nhiệm kỳ 2016 - 20217, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành nhiều

nghị quyết về tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Nhìn lại sau 4 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII, gắn với công tác chuẩn bị văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII, Đảng ta khẳng định đã đạt



được những thành tựu quan trọng: Kinh tế tăng trưởng cao; đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện; an sinh xã hội được đảm bảo; quốc phòng - an ninh được giữ vững; vị thế, uy tín của nước ta không ngừng được nâng lên trên trường quốc tế. Công tác xây dựng Đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị được tiến hành đồng bộ, toàn diện trên các lĩnh vực; đặc biệt là công tác kiểm tra, giám sát, phòng, chống tham nhũng đạt được kết quả rõ nét; sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giảm biên chế đạt được kết quả bước đầu quan trọng; niềm tin của nhân dân đối với Đảng được nâng lên.

Trong công tác tổ chức xây dựng Đảng, Trung ương đã ban hành nhiều nghị quyết, kết luận, chỉ thị, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; các nghị quyết số 18, 19 Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giảm biên chế; Nghị quyết 26 Hội nghị Trung ương 7 khóa XII về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược ngang tầm nhiệm vụ; Nghị quyết 37 của Bộ Chính trị về

sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; Kết luận 34 về chủ trương thí điểm sắp xếp các tổ chức trong hệ thống chính trị; Quy định 08 về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên;... và nhiều chủ trương quan trọng khác. Đặc biệt, gần đây Bộ Chính trị đã ban hành Quy định 205 về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền. Các chủ trương của Đảng đã tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên về đổi mới và hoàn thiện tổ chức thống chính trị.

Quá trình thực hiện đã được các cấp, các ngành, từ Trung ương đến địa phương triển khai nghiêm túc, đạt được kết quả quan trọng. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị bước đầu được sắp xếp tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Căn cứ tình hình thực tiễn của địa phương và quy định của Trung ương, các đơn vị, địa phương đã có những cách làm sáng tạo trong việc sắp xếp tổ chức, bộ máy, tiêu biểu như một số bộ, ngành, địa phương: Bộ Công an, Bộ Tài chính, tỉnh Quảng Ninh, tỉnh Yên Bái...

2. Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giảm biên chế tại tỉnh Hà Tĩnh

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn về tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động và vận hành thông suốt của các tổ chức trong hệ thống chính trị, tỉnh Hà Tĩnh đã tiến hành rà soát, đánh giá khách quan, toàn diện tổng thể hệ thống chính trị và chủ động thực hiện việc sắp xếp trước khi có chủ trương của Trung ương. Đó là, từ năm 2011, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã cho xây dựng Đề án sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp, các ban quản lý và các tổ chức hội. Trên cơ sở đó, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành nghị quyết chuyên đề về nội dung này. Cùng với việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII, Hà Tĩnh đạt được kết quả như sau:

- **Đối với cấp xã, thôn, tổ dân phố:** Sáp nhập thôn, tổ dân phố gắn với thực hiện mô hình tự quản ở khu dân cư (từ 2.837 giảm xuống còn 2.007 thôn, tổ dân phố, giảm được 830 thôn, tổ dân phố; giảm hơn 34.180 người, trong đó có 4.497 người hoạt động không chuyên trách và 29.683 người thực hiện nhiệm vụ

khác ở thôn, tổ dân phố.

- **Đối với cấp huyện:** Thực hiện phân cấp quản lý, theo đó các đơn vị thuộc sở, ngành cấp tỉnh chuyển về cấp huyện quản lý: (1) Thành lập trung tâm ứng dụng khoa học kỹ thuật và bảo vệ cây trồng vật nuôi trên cơ sở kiện toàn trạm bảo vệ thực vật, trạm thú y, trạm truyền giống chăn nuôi (trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). (2) Thành lập Trung tâm dạy nghề hướng nghiệp và giáo dục thường xuyên cấp huyện (gồm 3 đơn vị là: Trung tâm Dạy nghề (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) với Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp (Sở Giáo dục và Đào tạo). (3) Chuyển giao đài truyền thanh - truyền hình về huyện quản lý; (4) Chuyển trung tâm dân số - kế hoạch hoá gia đình, trung tâm y tế dự phòng, trạm y tế xã từ Sở Y Tế về ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.

Sắp xếp, sáp nhập từ 829 trường phổ thông, còn 693 trường (giảm 136 trường), trong đó: mầm non từ 278 trường còn 251 trường (giảm 27 trường); tiểu học từ 304 trường còn

241 trường (giảm 63); trung học cơ sở từ 189 trường còn 137 trường (giảm 52 trường); tiểu học và trung học cơ sở tăng 12 trường, từ 2 trường lên 14 trường, trung học phổ thông giảm 1 trường, từ 40 trường, còn 39 trường, trung tâm dạy nghề và giáo dục thường xuyên giảm 5 trung tâm, từ 16 trung tâm, còn 11 trung tâm. Giảm được 131 hiệu trưởng, 5 giám đốc, 133 hiệu phó, 8 phó giám đốc.

- **Đối với cấp tỉnh:** Giảm, thu gọn 07 đơn vị đầu mối trực thuộc tỉnh; sắp xếp, sáp nhập 37 ban quản lý dự án còn 4 ban trực thuộc ủy ban nhân dân tỉnh. Sắp xếp các đơn vị cấp 2 của các sở: giảm 03 chi cục. Giảm 15 phòng chuyên môn của các sở, ngành; 74 đơn vị cấp phòng thuộc các ban, sở, ngành, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh; 29 phòng chuyên môn thuộc các chi cục; 13 đơn vị sự nghiệp thuộc các sở, ban, ngành. Thành lập Trung tâm Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và Xúc tiến đầu tư trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; chuyển Trung tâm cấp nước Khu kinh tế tỉnh về Công ty Cổ phần cấp nước Hà Tĩnh quản lý; sáp nhập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên

thành phố Hà Tĩnh vào Trung tâm Bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm tỉnh.

Xuất phát từ thực tiễn, tỉnh Hà Tĩnh đã triển khai Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII với cách làm bài bản, đồng bộ, quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động kiên quyết, không cầu toàn, không nóng vội, làm đến đâu chắc đến đó, nếu chưa có trong quy định thì làm thí điểm. Quá trình thực hiện cho thấy các tổ chức sau sắp xếp hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn, đó là: Làm thí điểm hợp nhất các cơ quan có chức năng, nhiệm vụ tương đồng như thanh tra với kiểm tra, tổ chức với nội vụ (01 đơn vị cấp huyện); ban dân vận với ủy ban mặt trận tổ quốc huyện (3 đơn vị cấp huyện); ban dân vận và ban tuyên giáo huyện ủy (01 đơn vị cấp huyện); thành lập trung tâm y tế huyện trên cơ sở 3 tổ chức: bệnh viện huyện, y tế dự phòng huyện, dân số kế hoạch hóa gia đình và chuyển về cấp huyện quản lý, chuyển trạm y tế cấp xã về trung tâm y tế cấp huyện. Tiến hành sáp nhập hoặc hợp nhất các hội đặc thù có tính chất, chức năng, nhiệm vụ, nội dung hoạt động gần giống nhau.

Thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, trong năm 2019 Hà Tĩnh tiến hành sắp xếp 80 xã, hình thành 34 xã mới, giảm 46 xã, toàn tỉnh còn 216 xã. Tổng số cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách tại 80 xã thực hiện sắp xếp hiện có 2.321 người (trong đó 760 cán bộ, 744 công chức, 817 người hoạt động không chuyên trách).

Việc sắp xếp lại tổ chức, bộ máy các cơ quan, đơn vị là chủ trương đúng đắn, phù hợp với yêu cầu thực tiễn, xu thế phát triển, nguyện vọng của nhân dân. Từng bước giảm dần đầu mối theo hướng tinh gọn. Giai đoạn từ năm 2011 đến nay đã giảm đầu mối như sau:

Ở cấp tỉnh: Tổng giảm 168 đầu mối. (Hai tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy, 2 văn phòng; 5 chi cục; 33 ban quản lý; 58 đơn vị sự nghiệp thuộc sở, ngành, 3 trường trung học phổ thông cấp tỉnh; 36 phòng chuyên môn thuộc sở, ngành cấp tỉnh; 30 phòng trực thuộc các chi cục).

Ở cấp huyện: Tổng giảm 282 đầu mối. (01 phòng chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân cấp huyện, 29 ban quản lý dự án cấp huyện; 26 đơn vị sự

ngiệp cấp huyện; 226 trường học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở).

Ở cấp xã: Giảm được 830 thôn, tổ dân phố, 786 đầu mối tổ chức hội.

Tổng biên chế giao cho khối cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh Hà Tĩnh là 1.508 người; hiện có 1.195 người, giảm 313 biên chế, tỷ lệ 20,75%. Từ khi thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII đến nay đã giảm 918/3.486 người hoạt động không chuyên trách cấp xã, chiếm tỷ lệ 26,3%. Tổng biên chế khối cơ quan nhà nước đã giảm 2.795 người (242 biên chế công chức hành chính, tỷ lệ 9,35%; giảm 2.553 biên chế viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập, tỷ lệ 8,76%). Tiết kiệm bình quân mỗi năm 370 tỷ đồng. Năm 2012 tiết kiệm được 120 tỷ đồng chi ngân sách hành chính, năm 2019 tiết kiệm được 490 tỷ đồng chi ngân sách hành chính, gấp hơn 4 lần so với năm 2012, góp phần tăng chi đầu tư phát triển.

3. Những vấn đề đặt ra

(1) Về mô hình tổ chức và phương thức lãnh đạo của ban thường vụ tỉnh ủy đối với đảng đoàn hội đồng nhân dân, ban cán sự đảng ủy ban

nhân dân tỉnh

- Theo quy định của Điều lệ Đảng, Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên. Vậy Đảng lãnh đạo hội đồng nhân dân thông qua tổ chức đảng là đảng đoàn hội đồng nhân dân. Tuy vậy, thực tế là khi hội đồng nhân dân tỉnh thể chế hóa chủ trương của cấp ủy đảng thì chính do ủy ban nhân dân tỉnh chuẩn bị và trình hội đồng nhân dân xem xét, quyết định. Việc lãnh đạo của ban thường vụ tỉnh ủy đối với đảng đoàn hội đồng nhân dân tỉnh không được thể hiện rõ.

- Tương tự như vậy, ban thường vụ tỉnh ủy lãnh đạo ủy ban nhân dân tỉnh qua ban cán sự đảng ủy ban nhân dân tỉnh. Ban cán sự đảng ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo ủy ban nhân dân tỉnh để cụ thể hóa những chủ trương của cấp ủy. Ưu điểm là lãnh đạo đảm bảo nguyên tắc, phát huy dân chủ, tránh bao biện, làm thay, phát huy trí tuệ tập thể. Tuy vậy, hạn chế là ban thường vụ tỉnh ủy lãnh đạo ủy ban nhân dân tỉnh qua một khâu trung gian là ban cán sự đảng. Do vậy, nhiều khi vai trò của ban cán sự chỉ là hợp thức hóa; mặt

khác, những việc cần triển khai ngay thì khó thực hiện được kịp thời, dẫn đến trì trệ trong quá trình lãnh đạo, điều hành.

- Sự lãnh đạo của ban thường vụ tỉnh ủy đối với đảng đoàn mặt trận tổ quốc, ban cán sự đảng viện kiểm sát nhân dân tỉnh, ban cán sự đảng tòa án nhân dân tỉnh cũng tương tự như vậy.

Từ đó cần nghiên cứu kỹ và có cần thiết duy trì các tổ chức đảng này hay là lãnh đạo trực tiếp các tổ chức chuyên môn của đảng, đồng thời có quy định cụ thể về trách nhiệm tập thể của các cơ quan đó.

(2) Về mô hình tổ chức đảng cấp huyện

- Đối với cấp huyện: Đảng bộ cơ quan ủy ban nhân dân và hội đồng nhân dân cấp huyện do đồng chí phó chủ tịch ủy ban nhân dân hoặc phó chủ tịch hội đồng nhân dân làm bí thư đảng bộ. Trong khi đồng chí chủ tịch ủy ban nhân dân, chủ tịch hội đồng nhân dân là thành viên thường trực cấp ủy.

- Về mô hình đảng bộ khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh: Do không có tổ chức chính quyền cùng cấp, nên việc lãnh đạo, chỉ đạo của

đảng ủy khối có những khó khăn, nhất là lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp với thủ trưởng các cơ quan cấp sở trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Vì vậy có cần tồn tại tổ chức đảng bộ khối không vì thực tế chỉ thực hiện công tác đảng vụ.

(3) Về mô hình tổ chức chính quyền

Về mô hình cấp sở, ngành cũng có những tương đồng về chức năng, nhiệm vụ của các sở, ngành theo khối kinh tế tổng hợp, kinh tế kỹ thuật, văn hóa, xã hội...

(4) Về mô hình tổ chức các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy: Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy có chức năng, nhiệm vụ tương đồng như: tuyên giao và dân vận; nội chính và kiểm tra, giám sát, bảo vệ chính trị nội bộ.

(5) Về mô hình tổ chức của mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể: Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể: Có sự tương đồng về chức năng, nhiệm vụ giữa các ban của mặt trận và các đoàn thể; ngoài ra, có bộ phận văn phòng riêng của mặt trận và từng đoàn thể, do vậy bộ máy hiện nay vẫn công kênh, có thể thu gọn được.

Từ sự phân tích trên, việc đổi mới và hoàn thiện mô hình tổ chức hệ thống chính trị theo Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII trong thời gian tới là tất yếu, cần thiết, khách quan đối với cả nước nói chung, tỉnh Hà Tĩnh nói riêng; cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ, kiên trì, chắc chắn.

4. Kiến nghị, đề xuất

(1) Về mô hình tổ chức Đảng và vai trò lãnh đạo của Đảng đối với ban cán sự đảng, đảng đoàn: Đánh giá, nghiên cứu mô hình tổ chức đảng đoàn, ban cán sự đảng và đảng bộ khối các cơ quan tỉnh. Theo đó, cần nghiên cứu sắp xếp lại theo hướng thành lập 02 đảng bộ cấp trên cơ sở thuộc 02 khối. Đối với các cơ quan khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thành lập 01 tổ chức đảng do đồng chí phó bí thư thường trực tỉnh ủy làm bí thư đảng bộ; đối với các cơ quan khối chính quyền do đồng chí chủ tịch hoặc đồng chí phó chủ tịch thường trực ủy ban nhân dân tỉnh làm bí thư đảng bộ.

(2) Về mô hình hội đồng nhân dân các cấp: Tiếp tục xem xét, nghiên cứu để nâng cao chất lượng hoạt động

của hội đồng nhân dân cấp phường, xã, tránh hình thức. Nghiên cứu giảm số lượng đại biểu hội đồng nhân dân các cấp giữ chức vụ để đảm bảo phát huy quyền làm chủ thực sự của nhân dân, khắc phục tình trạng “vừa đá bóng, vừa thổi còi”. Nghiên cứu chỉ bố trí 01 đồng chí phó chủ tịch hội đồng nhân dân cấp huyện.

(3) Về mô hình tổ chức của ủy ban nhân dân tỉnh: Nghiên cứu sắp xếp, sáp nhập các sở, ngành có chức năng, nhiệm vụ tương đồng theo nhóm khối ngành: tài chính - kế hoạch, đầu tư; giao thông - xây dựng; giáo dục - y tế - văn hóa - lao động; tài nguyên - môi trường - du lịch; thông tin - khoa học, công nghệ... Đồng thời chuyển các chức năng dịch vụ của các sở, ngành hiện nay cho tư nhân thực hiện hoặc trung tâm phục vụ dịch vụ công.

(4) Về mô hình tổ chức các ban xây dựng Đảng cấp tỉnh: Nghiên cứu sáp nhập các ban có chức năng, nhiệm vụ tương đồng như tuyên giáo và dân vận; kiểm tra và nội chính.

(5) Đối với văn phòng cấp ủy: Hiện nay, đã triển khai thực hiện văn phòng phục vụ chung cấp ủy và các

cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy theo Quy định 04-QĐ/TW của Ban Bí thư Trung ương và Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII. Tuy vậy, việc thực hiện chưa có sự thống nhất mô hình trong toàn quốc, có địa phương chưa thực hiện triệt để. Quá trình vận hành văn phòng phục vụ chung còn một số bất cập, nhất là về lĩnh vực tài chính. Cần đánh giá để có sự thống nhất trong mô hình chung.

(6) Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đều có mô hình tổ chức văn phòng, các ban có nhiệm vụ tương đồng. Nên chăng cần sắp xếp, sáp nhập nhằm thực hiện nhiệm vụ chung, giảm đầu mối, tinh giảm biên chế, nâng cao hiệu quả hoạt động.

(7) Về mô hình tổ chức lực lượng vũ trang và đổi mới phương thức lãnh đạo của đảng đối với lực lượng vũ trang: Nghiên cứu thành lập các đơn vị công an, quân đội, biên phòng theo mô hình quân khu, bao gồm nhiều tỉnh, góp phần xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; đồng thời nghiên cứu mô hình bí thư tỉnh ủy, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh tham gia ban thường vụ đảng ủy công an, bộ đội biên phòng ■

TỌA ĐÀM “NHẬN THỨC, THỰC TIỄN VÀ GIẢI PHÁP VỀ PHÚC LỢI XÃ HỘI Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN MỚI”

Để góp phần phục vụ cho việc xây dựng Dự thảo văn kiện Đại hội XIII của Đảng, ngày 17-10-2019, Hội đồng Lý luận Trung ương đã tổ chức cuộc tọa đàm chuyên gia: “Nhận thức, thực tiễn và giải pháp về phúc lợi xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn mới”.

Dự tọa đàm có các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng: Nguyễn Thúy Anh, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Về các vấn đề xã hội của Quốc hội; Đào Ngọc Dung, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội; Nguyễn Đình Khang, Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và đại diện lãnh đạo TP Hà Nội.

GS, TS Phùng Hữu Phú, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng chủ trì tọa đàm.

Tọa đàm đã tập trung phân tích, lý giải, làm rõ các vấn đề:

1. Nhận thức lý luận của Đảng, Nhà nước ta thể hiện trong đường lối

chung, các văn kiện các kỳ đại hội Đảng về phúc lợi xã hội. Những vấn đề đã rõ, những vấn đề chưa rõ, cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung?

2. Việc thực hiện chính sách về phúc lợi xã hội ở nước ta đã đạt được những kết quả gì, đâu là hạn chế, nguyên nhân của những thành tựu, hạn chế đó? Những kết quả và hạn chế trong thực hiện chính sách phúc lợi xã hội ảnh hưởng gì đến con người, xã hội Việt Nam?

3. Những kinh nghiệm về chính sách phúc lợi xã hội và thực hiện chính sách phúc lợi xã hội của các nước trên thế giới và những gợi ý chính sách phù hợp với điều kiện của Việt Nam?

4. Đề xuất những nội dung mới về lý luận về phúc lợi xã hội cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung? Đề xuất những nội dung, giải pháp (chính sách) cần thiết để đảm bảo phúc lợi xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn mới (2020 đến 2030).

Với tinh thần trách nhiệm cao, các đại biểu dự tọa đàm - các đồng chí cán bộ lãnh đạo quản lý cao cấp, đồng thời là những chuyên gia có tầm hiểu biết sâu đã trao đổi một cách toàn diện, sâu sắc làm rõ hơn các vấn đề đặt ra về phúc lợi xã hội, an sinh xã hội, chính sách xã hội cả về mặt lý luận, thực tiễn ở Việt Nam

trong quá trình đổi mới, có tham khảo kinh nghiệm một số nước trên thế giới.

Kết quả tọa đàm đã gợi mở nhiều vấn đề cấp thiết đang nổi lên cần tiếp tục nghiên cứu, tổng kết để góp phần phục vụ cho việc xây dựng Dự thảo văn kiện Đại hội XIII của Đảng về lĩnh vực xã hội ■

KỶ HỌP THỨ 11 HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

Thực hiện Chương trình làm việc toàn nhiệm kỳ, ngày 9-11-2019, tại Hà Nội, Hội đồng Lý luận Trung ương tiến hành Kỳ họp thứ 11. GS, TS Nguyễn Xuân Thắng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì Kỳ họp.

Kỳ họp thứ 11 của Hội đồng tập trung Hội thảo về chủ đề “*Mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị Việt Nam phù hợp với yêu cầu, điều kiện cụ thể trong giai đoạn mới*”.

Các ý kiến thảo luận đã tập trung phân tích sâu vào các nội dung:

1. Những cơ sở lý luận - thực tiễn chủ yếu về mô hình tổ chức của hệ thống chính trị; kinh nghiệm quốc tế về xây dựng và hoàn thiện mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị trong quá trình phát triển, những giá trị tham khảo cho Việt Nam.

2. Thực tiễn xây dựng và phát triển mô hình tổ chức hệ thống chính trị của Việt Nam, nhất là thực tiễn triển khai Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII.

3. Những yêu cầu, điều kiện mới, nhất là yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế, yêu cầu phát triển

nhanh, bền vững đất nước. Đề xuất các phương án đổi mới và hoàn thiện mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị Việt Nam trong giai đoạn mới. Xác định lộ trình, bước đi trong đổi mới hệ thống chính trị Việt Nam trong giai đoạn mới vừa đảm bảo đổi mới, nhưng phải giữ được ổn định, kế thừa.

Phát biểu kết luận Kỳ họp, đồng chí Nguyễn Xuân Thắng biểu dương, đánh giá cao tinh thần trách nhiệm, tâm huyết của các nhà khoa học thể hiện qua không khí thảo luận sôi nổi, sâu sắc, và trân trọng ghi nhận những ý kiến có giá trị, bước đầu làm rõ một số vấn đề lý luận, thực tiễn cơ bản liên quan đến xây dựng mô hình

tổng thể, tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị nước ta đáp ứng yêu cầu giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Đồng chí nhấn mạnh, đây là vấn đề lớn, hệ trọng, rất khó, cần tiếp tục tổng kết sâu thực tiễn, lý luận để làm rõ hơn việc thiết kế cụ thể mô hình và phương thức vận hành mô hình hệ thống chính trị.

Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương sẽ tiếp thu nghiêm túc ý kiến của các đại biểu, chỉ đạo xây dựng báo cáo tổng hợp trình các cơ quan lãnh đạo Đảng, Nhà nước, và tiếp tục triển khai nghiên cứu phục vụ kịp thời việc xây dựng dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng ■

KÝ KẾT CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC GIỮA HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG VÀ HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TỈNH HÀ GIANG

Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác theo chức năng, nhiệm vụ được quy định, ngày 11-11-2019, tại Hà Nội, Hội đồng Lý luận Trung ương và Hội đồng Lý luận tỉnh Hà Giang

đã tổ chức Lễ ký kết Chương trình hợp tác giữa hai cơ quan. Dự lễ ký kết có đồng chí Nguyễn Xuân Thắng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí

Minh, đồng chí Đặng Quốc Khánh, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn ĐBQH khóa XIV tỉnh Hà Giang, Chủ tịch Hội đồng Lý luận tỉnh; các đồng chí Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương và lãnh đạo Hội đồng Lý luận tỉnh Hà Giang.

Phát biểu tại lễ ký kết, Bí thư Tỉnh ủy Đặng Quốc Khánh cho biết, những năm qua công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn đã được tỉnh Hà Giang quan tâm triển khai thực hiện. Từ đó, Đảng bộ tỉnh Hà Giang đã rút ra nhiều bài học kinh nghiệm, nhiều cách làm hay và những luận cứ khoa học quan trọng, góp phần củng cố nền tảng tư tưởng, làm cơ sở khoa học cho quá trình ban hành nghị quyết, chủ trương, hoạch định cơ chế, chính sách của cấp ủy, chính quyền. Tuy nhiên, công tác nghiên cứu lý luận của Hà Giang vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế. Thông qua chương trình hợp tác, Hội đồng Lý luận tỉnh Hà Giang mong muốn nhận được sự giúp đỡ, hỗ trợ của Hội đồng Lý luận Trung ương về nghiệp vụ, phương pháp hoạt động, tham gia nghiên cứu lý

luận, tổng kết thực tiễn, góp phần phục vụ hiệu quả công tác lãnh đạo của Tỉnh ủy.

Phát biểu tại lễ ký kết, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh Nguyễn Xuân Thắng đánh giá cao tỉnh Hà Giang mặc dù là tỉnh miền núi biên giới, còn nhiều khó khăn nhưng đã luôn chú trọng đến công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn. Trên cơ sở những nội dung ký kết, hàng năm, Hội đồng Lý luận Trung ương sẽ tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, trao đổi kinh nghiệm hoạt động, phương pháp nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn với Hội đồng Lý luận tỉnh Hà Giang; tư vấn, định hướng cho Hội đồng Lý luận Hà Giang xây dựng, triển khai các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản mang tính lý luận về quan điểm, chủ trương, cơ chế phát triển của tỉnh. Đồng chí mong muốn, chương trình phối hợp công tác giữa Hội đồng Lý luận Trung ương và Hội đồng Lý luận tỉnh Hà Giang sẽ được duy trì thường xuyên, mang lại hiệu quả thiết thực trong thời gian tới ■